UBND PHƯỜNG HẠ LONG
TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG
Số: 97/KH-TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hạ Long, ngày 20 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2026 - 2027

Căn cứ Công văn số 2728/SGDĐT-GDPT ngày 20/8/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027;

Căn cứ đặc điểm, tình hình thực tế của nhà trường năm học 2026-2027 và nhiệm vụ chính trị của địa phương;

Trường Tiểu học Quang Trung xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2027, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất
PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG

I. Tình hình nhà trường

1. Về quy mô trường lớp và học sinh

KHỐI	TS LỚP	TS HS	BIÊN CHẾ HS/LỚP	NĂM HỌC 2026- 2027							
				Tuyển mới	Nữ	DT	Hộ nghèo, cận nghèo	Khuyết Tật	Khó khăn	Lưu ban	2buổi/ ngày
I	15	471	31	471	205	5	0	4	2	2	471
II	15	518	35		223	4	0	9	5		518
III	14	472	33		219	6	0	7	4		472
IV	12	412	34		209	5	0	6	4		412
V	12	401	33		198	7	0	5	7		401
Tổng	**68**	**2274**	**33**		**1054**	**27**	**0**	**31**	**22**	**2**	**2274**

- Nhận xét chung hoàn cảnh của học sinh nhà trường: Hầu hết các hộ gia đình có con em theo học tại nhà trường đều là những gia đình cơ bản, phụ huynh quan tâm đồng hành cùng con và phối hợp tốt giáo viên chủ nhiệm. Học sinh chăm ngoan, năng động, ý thức học tập tốt.

2. Về đội ngũ (cán bộ quản lý, GV, NV)

Vị trí việc làm	Tổng số	Độ tuổi				Ghi chú
		Dưới 30	31->40	41->50	Trên 50	
Quản lý	4	0	0	2	2	
Giáo viên	107	12	31	48	16	
Nhân viên	6	0	2	3	1	
Tổng số	**117**	**12**	**33**	**53**	**19**	

Biên chế 110; Hợp đồng 07;
Trình độ, năng lực: Thạc sĩ 09; Đại học 103; Cao đẳng: 01; Trung cấp 04.

Số TT	Môn	Tổng số	Chia ra			Trình độ chuyên môn					Trình độ chính trị		
			Biên chế	HĐ	HĐ Trường	Sau ĐH	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Đảng viên	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp
	Số tổ CM, VP	6											
1	CBQL	4	4			4				4	1	3	
2	GV Tiểu học	83	78	5		3	78	1	1	59		1	58
3	Tiếng Anh	8	8			1	7			3			3
5	Âm nhạc	5	5				5			3			3
6	Mỹ Thuật	6	6			1	5			4			4
7	GDTC	3	2	1			3			1			1
8	TPT	0	0										
9	Tin học	2	1	1			2						
10	Kế toán	1	1				1			1			1
11	Thủ quỹ	1	1				1			1			1
12	Thư viện	1	1				1			1			1
13	Y tế	2	2						2				
14	Thiết bị	1	1						1				
Toàn trường		117	110	7	0	9	103	1	4	77	1	4	72

Đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chủ động, trách nhiệm, tâm huyết, nhiệt tình trong mọi nhiệm vụ được giao, nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, nhiều giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy, có uy tín trong tập thể GV, HS và phụ huynh.

3. Về tình hình cơ sở vật chất

Nhà trường có đủ cơ sở vật chất, thiết bị để tổ chức các hoạt động giáo dục. Tổng diện tích toàn trường 11835,7$m^{2.}$. Điểm trường chính có diện tích 5968,1m^2; cơ sở 2 có diện tích 5867,6m^2, đạt bình quân 5,2m^2/học sinh, không đảm bảo theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGD ĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo "Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học".

Khối phòng học tập: 79 phòng, trong đó: phòng học: 68; phòng âm nhạc: 02; Mỹ thuật: 02; phòng khoa học công nghệ; 02; phòng tin học: 02; phòng ngoại ngữ: 2; phòng đa năng: 02; phòng STEM: 01.

Khối phòng hỗ trợ học tập: 10 phòng, trong đó: thư viện: 02; phòng thiết bị giáo dục: 02; phòng tư vấn học đường: 02; phòng truyền thống: 02; phòng đội thiếu niên: 02.

Khối phòng phụ trợ: 11 phòng, trong đó: phòng họp: 03; phòng y tế: 02; nhà kho:1; khu để xe học sinh: 0; khu vệ sinh học sinh: 05. Hiện còn thiếu 0 phòng học.

Các phòng học đảm bảo đúng quy cách, đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định về vệ sinh trường học. 100% các lớp có bảng chống lóa đảm bảo đúng quy định, điều hòa và 60/68 phòng học thông minh. 100% hệ thống đèn chiếu sáng được lắp đặt theo quy chuẩn.

4. Tình hình địa phương

- Phường Hạ Long là phường trung tâm của thành phố, phát triển mạnh về kinh tế, xã hội và tốc độ đô thị hóa cao, số lượng dân cư đông, kinh tế của phường phát triển… Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền địa phương và của ngành. Sự ủng hộ nhiệt tình, tin tưởng của các đoàn thể địa phương, của phụ huynh, của các cơ quan, xí nghiệp, doanh nghiệp và nhân dân địa phương.

- Lãnh đạo địa phương luôn quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động giáo dục dạy và học của nhà trường.

- Dân trí ở địa phương cao góp phần tạo môi trường giáo dục lành mạnh. Phong trào khuyến học, khuyến tài được Đảng bộ, chính quyền địa phương quan tâm, công tác xã hội hóa giáo dục được nhân dân phụ huynh đồng thuận.

5. Đánh giá kết quả đạt được của năm học 2025-2026:

5.1 Kết quả thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua lớn của ngành.

- Trong năm học 2025-2026, nhà trường đã thực hiện nghiêm túc có hiệu quả nhiệm vụ năm học.

- Triển khai có hiệu quả cuộc vận động: "Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo"; Học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; Thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua lớn của ngành, của thành phố.

5.2. Công tác phát triển

- Thực hiện đảm bảo kế hoạch phát triển mạng lưới trường lớp theo đúng kế hoạch được giao. Nhà trường đã huy động trẻ ra lớp đạt tỉ lệ 100%, không có hiện tượng học sinh nghỉ học, bỏ học.

- Làm tốt công tác phổ cập giáo dục, đạt PCGD năm 2025 mức độ 3, XMC mức độ 2.

5.3. Công tác bồi dưỡng đội ngũ

- Xếp loại viên chức

Tổng CB, GV, NV	Hoàn thành xuất sắc NV	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không Hoàn thành NV	Không xếp loại
117	23	94	0	0	0

- Xếp loại đánh giá chuẩn

Tổng CB, GV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
111	81	30	0	0

- Giáo viên giỏi

Cấp dự thi	Số GV dự thi	Đạt
Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp Tỉnh	06	06

- Kết quả công tác bồi dưỡng thường xuyên của CBQL, GV: 100% Hoàn thành

5.4. Đánh giá kết quả thực hiện đổi mới trong công tác quản lý, trong giảng dạy; Nghiên cứu và viết sáng kiến kinh nghiệm.

- Trong năm học qua, nhà trường đã có những đổi mới trong công tác quản lý đồng bộ từ cán bộ quản lý đến giáo viên. CBQL đổi mới về cách thức tổ chức và quản lý chỉ đạo. Giáo viên đổi mới cách soạn giảng, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới về phương pháp giáo dục học sinh.

- Kết quả: 100% cán bộ, giáo viên đăng kí thực hiện một nội dung đổi mới, trong đó có 17 sáng kiến của 22 tác giả được Ủy ban nhân dân phường phố công nhận

5.5. Đánh giá công tác học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn; Lý luận chính trị

- Công tác học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn của CB, GV, NV luôn được nhà trường quan tâm. GV ngoài tự học, tự bồi dưỡng nâng cao tay nghề còn được tham gia học tập trao đổi kinh nghiệm qua các chuyên đề, được tạo điều kiện đi học để nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

- Phát triển Đảng viên: kết nạp 06 đảng viên và 05 giáo viên đã hoàn thành học lớp bồi dưỡng đảng viên mới.

5.6. Chất lượng giáo dục

- Đạt chỉ tiêu kế hoạch đặt ra đầu năm: Hoàn thành chương trình lớp học: 99,9%. Hoàn thành chương trình tiểu học: 100%

- Các môn học và hoạt động giáo dục

+ Hoàn thành tốt: 1912/2304 đạt 83.0% (khối 1: 446/512 đạt 87.1%; khối 2: 394/460 đạt 85.7%; khối 3: 333/408 đạt 81.6%; khối 4: 323/401 đạt 80.5%; khối 5: 416/523 đạt 79.5%).

+ Hoàn thành: 390/2304 đạt 16,9% (khối 1: 64/512 đạt 12.5%; khối 2: 66/460 đạt 14.3%; khối 3: 75/408 đạt 18.4%; khối 4: 78/401 đạt 19.5%; khối 5: 107/523 đạt 20.5%).

+ Chưa hoàn thành: 2/2304 đạt 0,1% (khối 1: 2)

- Năng lực: (Tốt: 1932/2304=83.9%, Đạt: 370/2304=17%, Cần cố gắng: 2/2304=0,1%)

- Phẩm chất: (Tốt: 2088/2304=90.6%, Đạt: 216/2304=9.4%, Cần cố gắng: 0)

*** Kết quả giáo dục:**

- Hoàn thành Xuất sắc: 1762/2304 đạt 76.5% (khối 1: 425/512 đạt 83.0%; khối 2: 382/460 đạt 83.3%; khối 3: 295/408 đạt 72.3%; khối 4: 280/401 đạt 69.8%; khối 5: 380/523 đạt 72.7%).

- Hoàn thành tốt: 147/2304 đạt 6.4% (khối 1: 13/512 đạt 2.5%; khối 2: 12/460 đạt 2.6%; khối 3: 37/408 đạt 9.1%; khối 4: 42/401 đạt 10.5%; khối 5: 43/523 đạt 8.2%).

- Hoàn thành: 393/2304 đạt 17% (khối 1: 72/512 đạt 14.1%; khối 2: 66/460 đạt 14.1%; khối 3: 76/408 đạt 18.6%; khối 4: 79/401 đạt 19.7%; khối 5: 100/523 đạt 19.1%).

+ Chưa hoàn thành: 2//2304 đạt 0,1% (khối 1: 2/523 = 0.4%)

*** Khen thưởng: Học sinh được khen thưởng**:

- Danh hiệu Xuất sắc: 1762/2304 đạt 76.5% (khối 1: 425/512 đạt 83.0%; khối 2: 382/460 đạt 83.3%; khối 3: 295/408 đạt 72.3%; khối 4: 280/401 đạt 69.8%; khối 5: 380/523 đạt 72.7%).

- Danh hiệu Tiêu biểu: 147/2304 đạt 6.4% (khối 1: 13/512 đạt 2.5%; khối 2: 12/460 đạt 2.6%; khối 3: 37/408 đạt 9.1%; khối 4: 42/401 đạt 10.5%; khối 5: 43/523 đạt 8.2%).

*** Hoàn thành chương trình lớp học, chương trình tiểu học:**

+ Hoàn thành chương trình lớp học: 2302/2304 (99,9%)

+ Rèn luyện trong hè: 02

+ Hoàn thành chương trình tiểu học: 523/523 (100%)

*** Chất lượng mũi nhọn về văn hóa và ngoại khóa:**

*** Cấp trường:**

(1)Trạng Nguyên Tiếng Việt cấp trường: 165 giải (7 giải Nhất, 26 giải Nhì, 40 giải Ba, 92 giải Khuyến khích).

(2) IOE cấp trường: 93 giải

- Vinh danh cấp trường 27 giải (4 giải Nhất, 7 giải Nhì, 10 giải BA, 6 giải Khuyến khích).

- Vinh danh cấp Tỉnh 53 giải (4 giải Nhất, 14 giải Nhì, 14 giải Ba, 21 giải Khuyến khích).

- Vinh danh Toàn Quốc 13 giải (3 giải Nhì, 5 giải Ba, 5 giải Khuyến khích).

(3) Giải cờ vua thiếu nhi Việt Nam cấp trường: 30 giải (10 giải Nhất, 10 giải Nhì, 10 giải Ba).

(4) Tổ chức cuộc thi cấp trường "Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng ngừa bạo lực học đường" năm 2026: 15 giải (01 giải Nhất, 03 giải Nhì, 05 giải Ba, 05 giải Khuyến khích, 06 tác phẩm Tài năng).

(5) Hướng ứng Ngày hội Sách 2026 nhà trường phát động cuộc thi "Giới thiệu sách ứng dụng công nghệ thông tin, AI và chuyển đổi số": 10 giải (1 giải xuất sắc , 3 giải Nhất, 2 giải Nhì, 2 giải Ba, 2 giải Khuyến khích).

*** Cấp phường:**

(1) Trạng nguyên Tiếng Việt cấp phường: 116 giải (7 giải Nhất, 25 giải Nhì, 40 giải Ba, 40 giải Khuyến khích)

(2) IOE cấp phường: 85 giải

- Vinh danh toàn quốc 12 giải (3 giải Nhất, 1 giải Nhì, 3 giải Ba, 5 giải Khuyến khích) .

- Vinh danh toàn Tỉnh 73 (7 giải Nhất, 19 giải Nhì, 13 giải Ba, 34 giải Khuyến khích).

(3) Vioedu cấp phường: 204 giải

- Đấu trường Tiếng Anh: 92 giải (36 giải Vàng, 21 giải Bạc, 20 giải Đồng, 15 giải Khuyến khích).

- Đấu trường Tổng hợp: 112 giải (18 giải Vàng, 19 giải Bạc, 20 giải Đồng, 55 giải Khuyến khích).

*** Cấp Tỉnh:**

(1) Trạng nguyên Tiếng Việt cấp Tỉnh: 55 giải (4 giải Nhất, 11 giải Nhì, 17 giải Ba, 23 giải Khuyến khích).

(2) IOE cấp Tỉnh: 64 giải

- Vinh danh Toàn Quốc 12 giải (2 giải Nhất, 5 giải Nhì, 6 giải Khuyến khích) - (Vinh danh toàn Tỉnh 52 giải (8 giải nhì, 15 giải Ba, 29 giải Khuyến khích)

(3) Vioedu cấp tỉnh 58 giải

- Đấu trường Tiếng Anh 30 giải (7 giải Vàng, 5 giải Bạc, 7 giải Đồng, 11 giải Khuyến khích).

- Đấu trường Tổng hợp 28 giải (1 giải Bạc, 6 giải Đồng, 21 giải Khuyến khích).

(4) Tin học trẻ cấp Tỉnh: 12 giải (3 giải Nhất, 3 giải Nhì, 4 giải Ba, 2 giải Khuyến khích).

(5) Sáng tạo Thanh thiếu niên và Nhi đồng cấp tỉnh: 1 giải Khuyến khích.

(6) Bóng đá Thiếu niên và Nhi đồng tỉnh Quảng Ninh năm 2026: 07 giải ba

(7) Giải Bơi học sinh phổ thông tỉnh Quảng Ninh năm 2026 tổng 13 giải (2 giải Vàng, 3 giải Bạc, 8 giải Đồng)

(8) Thiếu nhi Việt Nam vươn ra thế giới: 2 giải cấp tỉnh (Vào vòng chung kết khu vực miền Bắc).

(9) Cuộc thi chữ đẹp Việt lần 3: 01 Khuyến khích

*** Cấp Quốc gia:**

(1) IOE cấp quốc gia: 14 giải (1 giải Vàng, 4 giải Bạc, 3 giải Đồng, 6 giải khuyến khích)

(2) Timo cấp quốc gia: 26 Huy chương (4 huy chương vàng, 8 huy chương bạc, 14 huy chương đồng)

(3) HKIMO cấp quốc gia 20 huy chương (2 huy chương vàng, 5 huy chương bạc, 9 huy chương đồng, Khuyến khích 4).

(4) Olimpic toán FMO vòng quốc gia: 04 giải Vàng

(5) Olimpic trực tuyến FISO vòng quốc gia: 04 giải Bạc

(6) Vòng chung kết Lerythme Concert tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam: 01 huy chương đồng

(7) Giải tài năng cuộc thi vẽ tranh ước mơ của em do báo TNTP và bảo hiểm Cathay tổ chức: 04 giải

(8) Giải Siêu sao nhí The Bronze award: 01 Huy chương Bạc

(9) Giải Cờ vua tranh Cúp Kiện tướng Tương lai mở rộng lần I – năm 2026 : 01 Cúp và Huy chương Vàng, 1 Huy chương Bạc.

(10) Olimpic Toán và Khoa học quốc tế Singapo vòng quốc gia: 01 giải đồng;

*** Cấp quốc tế:**

(1) Timo cấp Quốc tế: 7 Huy chương (4 huy chương vàng, 2 huy chương bạc, 1 huy chương đồng).

(2) Olimpic Quốc tế khoa học, Toán và Tiếng Anh ASMO-2025: 01 huy chương đồng

(3) Olimpic Toán và Khoa học quốc tế Singapo vòng quốc tế: 01 giải Khuyến khích.

(4) Giải DISTINCTION Kì thi Toán Quốc tế KANGAROO: 2 giải.

Kết quả tham gia các giải và sân chơi của học sinh trong năm học 2025-2026 với tổng 978 giải.

5.7. Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, trường chuẩn Quốc gia, trường đạt chuẩn chất lượng:

Cơ sở vật chất: Nhà trường có đầy đủ các phòng học, phòng chức năng

Khuôn viên sáng, xanh, sạch đẹp, các khu nhà học được trang bị đầy đủ các thùng đựng rác phân 3 loại (tái chế, vô cơ, hữu cơ) học sinh đã có ý thức để rác đúng quy định; trang bị các biển khẩu hiệu, nội quy quy định trong nhà trường, bảng công khai..

Khó khăn: Các phòng học bộ môn chưa có đầy đủ bàn ghế, thiết bị.

6. Kết quả thi đua

- Trường đạt danh hiệu Tập thể lao động Tiên tiến.

- Liên đội đạt danh hiệu "Đơn vị xuất sắc trong công tác Đội và phong trào thiếu nhi năm học 2025 - 2026" và được tặng Giấy khen của Hội đồng Đội tỉnh Quảng Ninh; được Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phường Hạ Long Tặng Giấy khen tập thể "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đội và phong trào thiếu nhi năm học 2025-2026".

- 01 cán bộ quản lý được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 06 giáo viên được nhận bằng khen của UBND tỉnh, 11 GV được nhận giấy khen của UBND phường, 35 giáo viên đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 01 giáo viên nhận giấy khen của Sở giáo dục và Đào tạo; 117 LĐTT.

- Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh: 6 giáo viên đạt trong đó có 01 giáo viên được Sở GDĐT tặng giấy khen.

7. Đánh giá chung:

Ban Giám hiệu không ngừng đổi mới công tác quản lý, có biện pháp cụ thể, phù hợp để chỉ đạo thực hiện kế hoạch năm học 2025-2026. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng học sinh năng khiếu được duy trì; chất lượng đội ngũ giáo viên tiếp tục được nâng lên, kết quả giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh đạt chỉ tiêu đề ra. Cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm túc quy định của Ngành, các văn bản chỉ đạo của các cấp. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất theo các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia. Công tác chăm sóc bán trú và các hoạt động giáo dục khác thực hiện có hiệu quả. Tập thể nhà trường luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm trong công việc. Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với CMHS, mọi phản ánh của CMHS, của nhân dân đều được giải quyết kịp thời, tạo được uy tín, đồng thuận cao trong cha mẹ học sinh.

II. Những thuận lợi và khó khăn

1. Thuận lợi

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Thành uỷ, UBND phường Hạ Long, sự quan tâm, ủng hộ của cấp ủy, chính quyền địa phương, sự phối kết hợp trong công tác giáo dục của các tổ chức đoàn thể của địa phương, ủng hộ nhiệt tình của hội cha mẹ học sinh.

- Đội ngũ giáo viên ngày càng được trẻ hóa, được đào tạo chính quy, bài bản, có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn, có ý thức tự trau dồi kiến thức nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình chủ động, đổi mới, sáng tạo trong công tác, năng lực chuyên môn vững vàng và tâm huyết trách nhiệm cao, hết lòng vì học sinh thân yêu.

- Cơ sở vật chất khang trang, hiện đại đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

2. Khó khăn

- Đội ngũ: thiếu 05 giáo viên so với biên chế được giao.

- Cơ sở vật chất: Các thiết bị phòng học thông minh hỏng hóc nhiều, các phòng bộ môn chưa đủ bàn ghế, thiết bị.

- Học sinh có hoàn cảnh khó khăn:

+ Học sinh khuyết tật: 31 học sinh ở các lớp 1A4, 1A9, 1A12, 1A14, 2A2, 2A4, 2A6 (2 học sinh), 2A7, 2A8, 2A12, 2A13, 2A14, 3A1, 3A4, 3A10, 3A11, 3A12, 3A13, 3A14, 4A1, 4A4, 4A6, 4A10 (2 học sinh), 4A11, 5A1, 5A4, 5A5, 5A10, 5A11

+ 22 học sinh mồ côi, bố mẹ, bố mẹ chia tay phải ở với ông bà, người thân.

Phần thứ hai
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2026 - 2027

A. Nhiệm vụ chung

1. Thực hiện hiệu quả Chương trình và các Đề án phát triển Chương trình GDPT giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 của Bộ GDĐT; tiếp tục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm thống nhất, linh hoạt theo hướng giảm tải, tăng tính mở; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình; tiếp tục nâng cao chất lượng, tỷ lệ dạy học 2 buổi/ngày, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo; triển khai theo lộ trình các Đề án ngoại ngữ1; từng bước triển khai dạy học tiếng Trung Quốc tại các cơ sở giáo dục khu vực biên giới đất liền; thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục STEM/STEAM, giáo dục phát triển năng lực số, giáo dục trí tuệ nhân tạo (AI).

2. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, bảo đảm chất lượng thực chất, bền vững, khắc phục bệnh thành tích; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Tập trung các giải pháp xây dựng văn hóa học đường; chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử; công tác tư vấn tâm lý, giáo dục kỹ năng sống, y tế trường học và phòng ngừa rủi ro ở một số nơi chưa được đầu tư đầy đủ, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh trật tự trường học; gắn kết các hoạt động y tế, dinh dưỡng và nghệ thuật, thể dục, thể thao trong nhà trường, với nội dung môn học giáo dục thể chất2; triển khai Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2026 - 20353; tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm.

3. Thực hiện phổ cập giáo dục bắt buộc đối với tiểu học; củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, triển khai đầy đủ, hiệu quả các cơ chế, chính sách đối với học sinh vùng biên giới, miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

4. Tiếp tục rà soát tổ chức cơ sở giáo dục, sắp xếp, đội ngũ từng bước bảo đảm số lượng; nâng cao chất lượng, chuẩn hoá đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng caqo hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Phát huy dân chủ gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục; nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia; củng cố, phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú và vận hành mô hình trường phổ thông nội trú liên cấp; bảo đảm thiết bị dạy học, điều kiện ăn, ở, đi lại, sinh hoạt, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an ninh, an toàn cho học sinh tại các xã biên giới.

5. Tập trung nghiên cứu khung năng lực số cho người học và cho nhà giáo; tập trung bồi dưỡng các nội dung khoa học, công nghệ, tin học, khả năng cá thể hóa việc dạy và học bằng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo; tiếp tục duy trì hiệu quả phong trào "Bình dân học vụ số", "Bình dân học vụ AI"; hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành, số hóa hồ sơ quản lý, học bạ số, chữ ký số, văn bằng số, nền tảng quản trị nhà trường. Hình thành nền tảng để thực hiện mục tiêu xây dựng "Trường học số - Giáo viên số - Học sinh số - Quản trị giáo dục số".

6. Đổi mới quản trị giáo dục phổ thông theo hướng tăng quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình dựa trên dữ liệu; đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá. Từng bước hình thành văn hóa quản trị dựa trên dữ liệu, minh chứng và kết quả; lấy kết quả, hiệu quả thực chất và sự hài lòng của người dân làm thước đo chất lượng giáo dục.

7. Việc triển khai nhiệm vụ năm học phải bảo đảm chủ động, đồng bộ, thực chất, hiệu quả, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ sản phẩm; giữ vững kỷ cương, nền nếp, an toàn trường học, không để gián đoạn hoạt động dạy học và quyền học tập của học sinh. Toàn ngành xác định chủ đề năm học 2026 - 2027 "Đổi mới tư duy - Chuyển biến mạnh mẽ - Kết quả thực chất".

B. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

I. Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông và nâng cao chất lượng dạy học, kiểm tra, đánh giá

1. Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường

1.1. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường bảo đảm khoa học, linh hoạt, khả thi, phù hợp với đội ngũ, cơ sở vật chất và đối tượng học sinh; thực hiện đầy đủ yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT, không cắt xén nội dung, thời lượng, không gây quá tải cho học sinh, không tổ chức dạy học hình thức. Việc tổ chức thực hiện bám sát Chương trình GDPT 2018 và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ GDĐT, UBND thành phố và Sở GDĐT thành phố Quảng Ninh.

Thực hiện theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT và các văn bản sửa đổi, bổ sung; Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH về xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học; Công văn số 2728/SGDĐT-GDPT ngày 20/8/2026 của Sở GDĐT Quảng Ninh và các văn bản chuyên môn có liên quan.

Tiếp tục tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với 100% học sinh; lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức buổi 2 phù hợp điều kiện thực tế, ưu tiên củng cố kiến thức, kỹ năng; hỗ trợ học sinh chưa hoàn thành; phát triển năng khiếu; tăng cường STEM/STEAM, khoa học máy tính, trí tuệ nhân tạo, công nghệ

số, ngoại ngữ, giáo dục thể chất và nghệ thuật; bảo đảm thiết thực, hiệu quả, không gây quá tải.

Nhà trường lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức buổi 2 theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường. Ưu tiên củng cố kiến thức, kỹ năng; hỗ trợ học sinh chưa hoàn thành hoặc chưa đạt yêu cầu; bồi dưỡng học sinh có năng khiếu; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, khoa học máy tính, trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, giáo dục hướng nghiệp và khởi nghiệp; từng bước đưa các nội dung công nghệ chiến lược, kỹ năng số, năng lực ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm vào hoạt động giáo dục phù hợp với từng cấp học, cụ thể:

Lớp 1, 2: 35 tiết bồi dưỡng âm nhạc/năm, 35 tiết bồi dưỡng mĩ thuật/năm, 35 tiết STEM/năm, 128 tiết bồi dưỡng Toán/Tiếng Việt/năm; 12 tiết AI/năm.

Lớp 3: 35 tiết bồi dưỡng mĩ thuật/năm, 35 tiết STEM/năm, 58 tiết bồi dưỡng Toán/Tiếng Việt/năm; 12 tiết AI/năm.

Lớp 4, 5: 18 tiết STEM/năm, 35 tiết bồi dưỡng Toán/Tiếng Việt/năm; 12 tiết AI/năm, 5 tiết ATGT/năm

Tích hợp, lồng ghép các nội dung giáo dục (Các nội dung về: quyền con người; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; bình đẳng giới; bảo vệ trẻ em; tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc; chủ quyền biên giới, biển, đảo; quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng, chống thiên tai; tiết kiệm, và bảo vệ nguồn nước; giáo dục thông qua di sản; trật tự, an toàn giao thông và các nội dung giáo dục khác theo quy định.) thiết thực, phù hợp với môn học, hoạt động giáo dục, cấp học và đối tượng học sinh; không chồng chéo, không gây quá tải, không làm tăng nội dung, thời lượng học tập một cách cơ học. Tăng cường giáo dục pháp luật, ý thức và kỹ năng tham gia giao thông an toàn; hướng dẫn học sinh học tập kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên nền tảng "Bình dân học vụ số" phù hợp với lứa tuổi và điều kiện thực tế của nhà trường.

1.2. Đổi mới phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học

Chỉ đạo giáo viên thiết kế và tổ chức bài học bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, khả năng tự học và vận dụng kiến thức của học sinh; tăng cường thực hành, thí nghiệm, trải nghiệm và giải quyết vấn đề. Thực hiện phân hóa phù hợp với năng lực của từng nhóm học sinh; linh hoạt lựa chọn nội dung, phương pháp, học liệu, thiết bị và hình thức tổ chức dạy học; kịp thời hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt, đồng thời tạo cơ hội phát triển cho học sinh có năng khiếu.

Giao tổ chuyên môn phát triển ngân hàng câu hỏi, học liệu số và tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thiết kế bài học, kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng dạy học và quản trị giáo dục.

Tổ chuyên môn rà soát, cập nhật, khai thác hiệu quả tài liệu, học liệu số và nguồn học liệu mở dùng chung; điều chỉnh, bổ sung ngữ liệu phù hợp với thực tiễn địa phương sau sắp xếp đơn vị hành chính.

Giáo viên tăng cường sử dụng thiết bị dạy học, học liệu số và công nghệ; khai thác tối đa sử dụng thiết thực, hiệu quả thư viện, phòng học bộ môn, thiết bị dạy học và học liệu số. Khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, hướng dẫn học sinh làm dụng cụ học tập phục vụ hoạt động thực hành; tăng cường giáo dục STEM, AI, Tin học và tiếng Anh gắn với hướng nghiệp và giáo dục toàn diện học sinh.

Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học và bảo đảm sự thống nhất trong hoạt động chuyên môn; triển khai mô hình dạy học kết hợp trên nền tảng số, tạo lập môi trường giáo dục linh hoạt, cá thể hóa việc học và đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong kỷ nguyên số.

Tăng cường phối hợp với các cơ sở văn hóa, thể thao, đơn vị quản lý di sản, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cộng đồng địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế. Các hoạt động phải có mục tiêu giáo dục rõ ràng, bảo đảm an toàn, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi; không tổ chức mang tính hình thức, không làm phát sinh chi phí không cần thiết hoặc gây áp lực cho học sinh và cha mẹ học sinh.

1.3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng tinh giản, thiết thực, hiện đại

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh, phản ánh chất lượng giáo dục thực chất cho học sinh: Thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh đúng quy định, đảm bảo khách quan, công bằng, vì sự tiến bộ của học sinh (Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh tiểu học; Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022 về việc đính chính Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020; Công văn số 3179/SGDĐT-GDPT ngày 03/11/2025 về hướng dẫn quản lý, tổ chức hoạt động chuyên môn cấp tiểu học sau sắp xếp các cơ sở giáo dục; Công văn số 620/SGDĐT-GDPT ngày 25/2/2026 về tăng cường công tác quản lý, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày; công tác kiểm tra, đánh giá và triển khai SGK cấp tiểu học từ năm học 2026 - 2027.)

Kết hợp hợp lý giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ; nội dung đánh giá bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông. Chú trọng đánh giá khả năng hiểu, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn, đánh giá

thông qua sản phẩm học tập, dự án học tập, thực hành, thí nghiệm và hoạt động trải nghiệm. Đẩy mạnh phát triển ngân hàng câu hỏi dùng chung và ứng dụng AI trong thiết kế kiểm tra đánh giá và phân tích kết quả học tập. Kết quả đánh giá phải được sử dụng để điều chỉnh hoạt động dạy học phù hợp với đối tượng học sinh.

Đánh giá thực chất, không gây áp lực thành tích; tuyệt đối không sử dụng kết quả khảo sát, kiểm tra để xếp hạng hoặc tạo áp lực thành tích đối với giáo viên và học sinh; khắc phục triệt để bệnh thành tích, không chạy theo tỷ lệ lên lớp, tỷ lệ hoàn thành chương trình tiểu học, bảo đảm đánh giá trung thực, khách quan và phản ánh thực chất năng lực người học; không sử dụng kết quả của các kỳ thi, cuộc thi, giao lưu không do Bộ GDĐT, Sở GDĐT tổ chức hoặc phối hợp tổ chức ở quy mô toàn quốc, toàn thành phố để đánh giá, xếp loại, xét thi đua đối với học sinh, giáo viên. Tăng cường kiểm tra, giám sát và thực hiện các biện pháp phòng, chống gian lận trong kiểm tra, khảo sát và đánh giá; xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định, góp phần giảm áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

4. Tổ chức các nội dung giáo dục gắn với yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

4.1. Nội dung giáo dục địa phương

Triển khai thực hiện nội dung cập nhật, chỉnh sửa tài liệu giáo dục địa phương phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông và bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, phù hợp với định hướng phát triển và không gian phát triển mới của thành phố Quảng Ninh. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương đúng mục tiêu, yêu cầu cần đạt, góp phần giúp học sinh hiểu biết sâu sắc về Quảng Ninh, bồi dưỡng tình yêu quê hương, hình thành năng lực sống, học tập, làm việc và ý thức trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển của thành phố (Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học; Công văn số 5889/BGDĐT-GDTH ngày 27/9/2024 về việc tăng cường công tác chỉ đạo về biên soạn, tổ chức dạy học, in và phát hành tài liệu giáo dục địa phương; Công văn số 1985/SGDĐT-GDPT ngày 18/6/2024 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn cập nhật, bổ sung hệ giá trị lịch sử, văn hóa, con người Quảng Ninh vào dạy học nội dung giáo dục địa phương và các văn bản hướng dẫn cập nhật, chỉnh sửa tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ninh).

Quá trình thực hiện bảo đảm cập nhật kịp thời những thay đổi về kinh tế, xã hội, văn hóa, khoa học và công nghệ, môi trường và giáo dục của thành phố Quảng Ninh; bảo đảm tính kết nối, liên tục giữa lịch sử - hiện tại - tương lai; phản ánh vị thế, tiềm năng, lợi thế và không gian phát triển mới của thành phố; căn cứ điều kiện đội ngũ và cơ sở vật chất, các cơ sở giáo dục chủ động bố trí giáo viên,

bảo đảm thời lượng, hình thức dạy học và khai thác, sử dụng học liệu hiệu quả; tăng cường chia sẻ, sử dụng học liệu dùng chung trong nhà trường.

4.2. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đúng Chương trình GDPT 2018 và hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, bảo đảm đủ nội dung, thời lượng và yêu cầu cần đạt; phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý học sinh, điều kiện của nhà trường và địa phương (Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học; Công văn số 3179/SGDĐT-GDPT ngày 03/11/2025 về hướng dẫn quản lý, tổ chức hoạt động chuyên môn cấp tiểu học sau sắp xếp các cơ sở giáo dục)

Trong năm học 2026-2027, nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm:

Tháng 9: Vui tết Trung thu; An toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích; Phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn.

Tháng 10: Yêu thương gửi mẹ – Tri ân gửi cô

Tháng 11: Tôn sư trọng đạo, Tri ân thầy cô

Tháng 12: Tiếp bước truyền thống (Tuyên truyền Kỷ niệm ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12; Tổ chức ngoại khóa: Rung chuông vàng tiếng Anh)

Tháng 1: Mừng Đảng, Mùng xuân (Tuyên truyền Phòng chống dịch bệnh mùa đông, phòng chống ngộ độc thực phẩm trong dịp Tết nguyên đán; Tổ chức ngoại khóa: Trải nghiệm Tết cổ truyền, đập heo đất)

Tháng 2: Chào Xuân mới (Tổ chức ngoại khóa: Khai bút đầu xuân)

Tháng 3: Tiến bước lên Đoàn (Ngoại khóa: Đấu trường tiếng Anh; Đồng diễn võ thuật, dân vũ)

Tháng 4: Mừng đất nước thống nhất (Tổ chức ngày hội sách và văn hóa đọc-Thi video kể chuyện theo sách; Tuyên truyền phòng chống đuối nước, tai nạn thương tích; Tuyên truyền kỷ niệm 52 năm giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước)

Tháng 5: Bác Hồ kính yêu (Đại hội cháu ngoan BH và tổng kết năm học (Tuyên dương học sinh xuất sắc tiêu biểu)

4.3. Giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, bước đầu hình thành nền tảng nguồn nhân lực cho các ngành công nghệ chiến lược quốc gia

Đẩy mạnh phong trào, nâng cao chất lượng chuyên môn trong nghiên cứu khoa học nhằm góp phần phát triển sức sáng tạo, khả năng làm việc độc lập, trau dồi tri thức, tăng cường sự hiểu biết về chuyên môn nghiệp vụ; phấn đấu có đề tài/sáng kiến kinh nghiệm trong ngành giáo dục. Đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM trong nhà trường. Năm học 2026-2027, nhà trường triển khai dạy

tích hợp STEM, đảm bảo mỗi lớp 4 chủ đề STEM/năm học và triển khai dạy STEM vào buổi 2 (Lớp 1, 2, 3 dạy 35 tiết/năm, lớp 4, 5 dạy 18 tiết/năm)

Khuyến khích học sinh tham gia sân chơi như Hội thi Tin học trẻ, Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, … Thông qua các cuộc thi, hội thi, phát hiện, bồi dưỡng học sinhcó năng lực công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ đáp ứng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.

4.4. Triển khai phát triển năng lực số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số và các thiết bị dạy học thông minh, nâng cao chất lượng dạy và học chính khóa, năng lực tự học của học sinh

Thực hiện hiệu quả việc phát triển năng lực số cho học sinh phổ thông theo Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT ngày 18/8/2026 của Bộ GDĐT về ban hành Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông, Kế hoạch số 2378/KH-SGDĐT ngày 08/9/202522 và hướng dẫn tại Công văn số 50/SGDĐT-GDPT ngày 07/01/202623 của Sở GDĐT, kết quả giáo dục năng lực số được xác định theo Thông tư số 02/2025/TT BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ GDĐT quy định Khung năng lực số cho người học. Trong đó, chú trọng thực hiện một số nội dung sau: (1) Thực hiện lồng ghép mục tiêu, tích hợp các nội dung phát triển năng lực số vào kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch môn học, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT; (2) Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, câu lạc bộ về chủ đề công nghệ số bảo đảm phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, lứa tuổi, điều kiện của học sinh và các miền năng lực trong Khung năng lực số; (3) Thực hiện hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ để tăng cường giáo dục kỹ năng công dân số phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị.

Tăng cường giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông theo Khung nội dung thí điểm giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông của Bộ GDĐT; hình thành và phát triển cho học sinh các năng lực thiết yếu của công dân số: nhận diện và phòng tránh rủi ro trên môi trường mạng; bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư và danh tính số; giao tiếp, ứng xử văn minh; kiểm chứng thông tin; phòng tránh tin giả, lừa đảo trực tuyến; bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần.

Chủ động quản trị dữ liệu giáo dục; triển khai đồng bộ học bạ số và văn bằng số đối với giáo dục phổ thông, bảo đảm chuẩn hóa, kết nối, đồng bộ với ứng dụng VNeID; tăng cường giáo dục kỹ năng tự bảo vệ, kiểm soát cảm xúc và ứng xử số, kỹ năng sử dụng mạng xã hội, các nền tảng giao tiếp trực tuyến và AI an toàn, có trách nhiệm; góp phần xây dựng môi trường giáo dục số an toàn, lành mạnh. Tạo chuyển biến thực chất theo phương châm: Dữ liệu phải đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung; hệ thống phải thông; quy trình phải đồng bộ; cán bộ quản

lý phải sử dụng; giáo viên, học sinh phải có năng lực số và người dân phải được hưởng lợi.

4.5. Tổ chức dạy học tiếng Anh và nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ

Triển khai thực chất Đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học (Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 29/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện các Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học" và "Tăng cường dạy và học ngoại ngữ".); Ưu tiên bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho giáo viên, xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, thực hành và sử dụng tiếng Anh trong các môn học, hoạt động giáo dục và sinh hoạt nhà trường như chào hỏi đầu giờ, hoạt động khởi động tiết học bằng tiếng Anh, biển tên phòng học, phòng chức năng bằng song ngữ, maket trang trí,…. Phát động phong trào giáo viên tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh góp phần xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh trong trường học, hỗ trợ thực hiện dạy học các môn học, các hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh theo lộ trình và điều kiện của nhà trường. Năm học 2026-2027, nhà trường triển khai đề án ở mức độ 1, giao cho 6 lớp thực hiện dạy toán bằng tiếng Anh (1A5, 2A10, 3A5, 4A5, 4A12, 5A3), các lớp còn lại khuyến khích.

Tiếp tục tổ chức dạy học môn Tiếng Anh bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, 4, 5 đảm bảo tính liên thông và các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Nhà trường sắp xếp đủ giáo viên giảng dạy để học 4 tiết/tuần/lớp theo chương trình và sách giáo khoa đã lựa chọn.

Duy trì và đổi mới hình thức tổ chức ngoại khoá Tiếng Anh của nhà trường được tổ chức hàng năm cho học sinh.

4.6. Tăng cường giáo dục nghệ thuật

Giao bộ phận hoạt động ngoài giờ và tổ chuyên môn tổ chức đa dạng hoạt động giáo dục nghệ thuật trong và ngoài giờ học thông qua môn học, hoạt động giáo dục, câu lạc bộ, sân chơi và trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tế:

Âm nhạc: học và biểu diễn các làn điệu, bài hát về Quảng Ninh; tìm hiểu dân ca, nhạc cụ truyền thống; sáng tác lời mới cho các bài dân ca phù hợp lứa tuổi.

Mỹ thuật: vẽ tranh chủ đề "Quảng Ninh trong mắt em", Vịnh Hạ Long, quê hương – biển đảo, di sản và lễ hội; thiết kế tranh cổ động, áp phích giới thiệu di sản địa phương.

Tiếng Việt: sưu tầm và kể chuyện về danh nhân, di tích, lễ hội, truyền thuyết của Quảng Ninh; sáng tác thơ, truyện ngắn, tản văn về quê hương.

Lịch sử và Địa lí: kết hợp tìm hiểu lịch sử, địa danh, di sản với hoạt động vẽ sơ đồ, thiết kế brochure, poster hoặc video giới thiệu địa phương.

Giáo dục địa phương: xây dựng các tiết/chủ đề về di sản văn hóa, nghệ thuật truyền thống và bản sắc Quảng Ninh.

Khuyến khích học sinh sáng tạo, biểu diễn, cảm thụ nghệ thuật; giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống, bản sắc dân tộc và địa phương; tiếp cận có chọn lọc nghệ thuật đương đại phù hợp với lứa tuổi. Tăng cường khai thác di sản, giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống đặc trưng của Quảng Ninh trong tổ chức giáo dục nghệ thuật; tạo điều kiện để học sinh tham gia giao lưu, biểu diễn, triển lãm, câu lạc bộ, sân chơi nghệ thuật phù hợp với lứa tuổi và điều kiện thực tế như:

"Mỗi tháng một sắc màu nghệ thuật": mỗi tháng lựa chọn một chủ đề như dân ca, tranh dân gian, nhạc cụ truyền thống, lễ hội, nghệ thuật đương đại…

10–15 phút nghệ thuật đầu tuần: một tiết mục hát, múa, đọc thơ, độc tấu nhạc cụ hoặc giới thiệu một nét văn hóa địa phương.

Ngày hội văn hóa – nghệ thuật học đường: học sinh biểu diễn, trưng bày tranh, sản phẩm thủ công, giới thiệu trang phục và văn hóa các vùng miền.

Tuần lễ "Em yêu Quảng Ninh": thi hát, vẽ, viết, kể chuyện, làm video, thiết kế poster về Quảng Ninh.

Sân khấu hóa bài học: chuyển một câu chuyện lịch sử, tác phẩm văn học hoặc truyền thuyết địa phương thành tiểu phẩm, kịch ngắn, múa hoặc hoạt cảnh.

Góc nghệ thuật học sinh: trưng bày thường xuyên tranh, ảnh, sản phẩm thủ công, thơ, truyện, thiết kế của học sinh.

4.7. Giáo dục thể chất và y tế trường học

Tổ chức hiệu quả môn Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học; chú trọng rèn luyện thể chất, chăm sóc sức khỏe và phòng, chống tai nạn, thương tích.

Rà soát, bố trí đội ngũ, cơ sở vật chất, sân bãi và thiết bị để tổ chức các môn thể thao tự chọn được quy định trong môn Giáo dục thể chất theo Chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của học sinh và điều kiện của nhà trường.

Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ Chương trình môn Giáo dục thể chất; bảo đảm đủ 70 tiết/năm học và tỷ lệ phân bổ thời lượng cho các nội dung giáo dục theo quy định. Đối với 10% thời lượng dành cho đánh giá cuối học kì, cuối năm học, tổ chuyên môn chủ động, linh hoạt bố trí trong kế hoạch giáo dục môn học phù hợp với tiến trình dạy học, nội dung, yêu cầu cần đạt và đặc điểm học sinh; không áp dụng máy móc một khung số tiết cố định cho từng thời điểm đánh giá; bảo đảm sử dụng đầy đủ, đúng mục đích thời lượng theo quy định của Chương trình.

Duy trì, phát triển các câu lạc bộ, hoạt động, giải thể thao trường học; đa dạng hóa hình thức vận động, rèn luyện thể chất phù hợp với lứa tuổi, điều kiện sức khỏe và điều kiện thực tế, tạo cơ hội để học sinh thường xuyên tham gia tập luyện, giao lưu, thi đấu và phát triển năng khiếu thể thao.

Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ GDĐT. Nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể đánh giá ở tuần 33, 34; bố trí thời gian, lực lượng, cơ sở vật chất và tổ chức đánh giá phù hợp, an toàn, hiệu quả, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; quản lý, lưu trữ kết quả và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ về giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng, chống đuối nước và dạy bơi an toàn theo Kế hoạch số 1037/KH-SGDĐT triển khai Kế hoạch số 358/KH-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh. Giao tổ chuyên môn giáo dục lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng, chống đuối nước trong các môn học và hoạt động giáo dục; Giao bộ phận hoạt động ngoài giờ tổ chức các hoạt động tăng cường thực hành, diễn tập kỹ năng nhận diện nguy cơ, xử lý tình huống và tự bảo vệ trong môi trường nước phù hợp với lứa tuổi, bảo đảm an toàn; rà soát học sinh biết bơi, chưa biết bơi và các điều kiện để tổ chức dạy bơi an toàn phù hợp với thực tế.

4.8. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống

Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống và trách nhiệm công dân; xây dựng văn hóa học đường; thực hiện Chỉ thị số 07-CT/TW của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn phát triển mới". Tìm hiểu những câu chuyện, bài học về đạo đức, lối sống, tinh thần học tập và trách nhiệm với cộng đồng của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Mỗi tháng lựa chọn một việc tốt, một thói quen tốt để học sinh thực hiện; Kể chuyện, đọc sách, sân khấu hóa các câu chuyện về Bác; Xây dựng góc học tập và làm theo Bác trong lớp; Tuyên dương những học sinh có hành động đẹp, tinh thần vượt khó, giúp đỡ bạn bè.

Hình thành ở học sinh các giá trị cốt lõi của con người Việt Nam, lòng yêu nước, ý thức thượng tôn pháp luật, khát vọng cống hiến và trách nhiệm xã hội dưới các hình thức như: Rung chuông vàng tìm hiểu pháp luật; Mời cán bộ công an, luật sư, chuyên gia đến trao đổi; Xây dựng video ngắn “1 phút hiểu pháp luật”.

5. Một số nhiệm vụ trọng tâm

Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học theo hướng thực chất, bền vững; chú trọng hình thành năng lực tính toán, năng lực tự học và các phẩm chất,

năng lực thiết yếu, tạo nền tảng cho học sinh tiếp tục học tập và phát triển ở các lớp, cấp học tiếp theo.

Tổ chức hiệu quả dạy học 2 buổi/ngày; ưu tiên củng cố, nâng cao chất lượng học tập, hỗ trợ học sinh chưa hoàn thành yêu cầu; đồng thời tạo cơ hội phát triển năng khiếu, sở trường và giáo dục toàn diện. Thực hiện đánh giá học sinh thực chất, vì sự tiến bộ của người học; sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy học và tổ chức hỗ trợ phù hợp với từng đối tượng học sinh.

Phối hợp với chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh và cơ sở giáo dục mầm non huy động 100% trẻ em trong độ tuổi, có khả năng học tập, vào lớp 1 theo quy định; tổ chức tiếp nhận, hỗ trợ học sinh lớp 1 phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi. Tuyệt đối không tổ chức kiểm tra, khảo sát năng lực để tuyển sinh vào lớp 1; không yêu cầu hoặc tạo áp lực cho trẻ học trước Chương trình lớp 1.

Triển khai đồng bộ các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học. Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, chú trọng hình thành, củng cố kỹ năng đọc, viết, năng lực tính toán, giao tiếp, tự phục vụ, tự học và nền nếp học tập; theo dõi sự tiến bộ, kịp thời hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu, không để học sinh bị hổng kiến thức, kỹ năng cơ bản kéo dài qua các lớp. Quan tâm hỗ trợ phù hợp đối với học sinh còn hạn chế về tiếng Việt, học sinh dân tộc thiểu số, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; tổ chức dạy học và hỗ trợ học sinh khuyết tật phù hợp với khả năng, nhu cầu và đặc điểm cá nhân. Đối với lớp 5, tập trung củng cố kiến thức, kỹ năng cốt lõi, bảo đảm học sinh hoàn thành Chương trình tiểu học đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực và sẵn sàng học tập ở cấp trung học cơ sở; chủ động phối hợp với các trường trung học cơ sở để hỗ trợ học sinh chuyển tiếp lên lớp.

II. Thực hiện giáo dục bắt buộc và bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục

1. Thực hiện giáo dục bắt buộc

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục tiếp tục triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 28/01/2026 của UBND tỉnh về thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2026

Nhà trường chủ động phối hợp với UBND phường và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, cập nhật, đối chiếu dữ liệu trẻ em, học sinh trong độ tuổi thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục theo địa bàn dân cư; theo dõi, quản lý đầy đủ tình trạng đi học, chưa đi học, bỏ học, chuyển đi, chuyển đến và các trường hợp cần hỗ trợ; bảo đảm dữ liệu kịp thời, chính xác, thống nhất với cơ sở dữ liệu ngành.

Tiếp tục củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; triển khai đồng bộ các giải pháp huy động trẻ em, học sinh đến trường, duy trì sĩ số, hạn chế bỏ học. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của nhà trương trong công tác điều tra, huy động trẻ em, học sinh đến trường, duy trì sĩ số, phối hợp vận động học sinh bỏ học trở lại trường và cập nhật dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ được phân cấp, phân định.

Phối hợp với gia đình, chính quyền địa phương và các tổ chức liên quan bảo đảm trẻ em trong độ tuổi thực hiện giáo dục bắt buộc được đến trường, học tập; kịp thời phát hiện, hỗ trợ học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập.

Kiện toàn Ban thực hiện PCGD, XMC; phân công người phụ trách phần mềm PCGD, XMC chủ động nhập số liệu lên phần mềm PCGD, XMC của Bộ GDĐT theo quy định.

Phối hợp với các khu phố dành nguồn lực thực hiện nhiệm vụ và giải pháp cụ thể phấn đấu duy trì đạt PCGD mức độ 3.

2. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục

Rà soát điều kiện học tập và nhu cầu hỗ trợ của học sinh, ưu tiên sử dụng các nguồn lực được giao, kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền hỗ trợ để bảo đảm điều kiện học tập thiết yếu cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn; ưu tiên điều kiện đi học, sách giáo khoa, bán trú, dinh dưỡng, tư vấn tâm lý và kết nối an sinh xã hội; triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách đặc thù của thành phố về hỗ trợ sách giáo khoa, tiền ăn, đưa đón, ăn, ở tập trung và hỗ trợ học sinh không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định.

Bảo đảm các điều kiện học tập thiết yếu. Khắc phục rào cản do hoàn cảnh kinh tế, khoảng cách địa lý, khuyết tật, ngôn ngữ và biến động dân cư. Việc hỗ trợ phải góp phần duy trì sĩ số, hạn chế học sinh bỏ học, nâng cao kết quả học tập và bảo đảm học sinh hoàn thành chương trình.

Thực hiện cơ chế sinh hoạt chuyên môn thống nhất giữa 2 cơ sở; kết hợp linh hoạt sinh hoạt chuyên môn trực tiếp với trực tuyến, sinh hoạt tổ chuyên môn, cụm chuyên môn theo hướng dẫn của Sở GDĐT bảo đảm hoạt động dạy học liên tục, đồng bộ, phù hợp với quy mô và điều kiện của từng địa điểm.

2. Thực hiện giáo dục hòa nhập đối với học sinh khuyết tật

Tiếp nhận, tạo điều kiện để học sinh khuyết tật trong độ tuổi được học tập theo quy định (Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập;

Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật.); không từ chối tiếp nhận học sinh vì lý do khuyết tật; bảo đảm học sinh được tham gia các hoạt động giáo dục phù hợp với nhu cầu, khả năng.

Năm học 2026-2027, nhà trường có 31 học sinh khuyết tật. Đối với từng học sinh khuyết tật học hòa nhập, chỉ đạo giáo viên xây dựng, tổ chức thực hiện và thường xuyên điều chỉnh kế hoạch giáo dục cá nhân; điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học, biện pháp hỗ trợ và kiểm tra, đánh giá phù hợp với dạng tật, mức độ khuyết tật và khả năng của học sinh; chú trọng phát triển kỹ năng giao tiếp, tự phục vụ, tự bảo vệ và hòa nhập cuộc sống.

Chú trọng xây dựng môi trường an toàn, thân thiện, dễ tiếp cận, không kỳ thị, phân biệt đối xử; tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cơ sở y tế, cơ sở hỗ trợ và các lực lượng liên quan trong giáo dục, chăm sóc, phục hồi chức năng, hỗ trợ và bảo vệ học sinh khuyết tật.

Thực hiện kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch giáo dục cá nhân và khả năng của từng học sinh; coi trọng sự nỗ lực, tiến bộ, không tạo áp lực thành tích; không sử dụng kết quả học tập của học sinh khuyết tật học hòa nhập làm căn cứ gây bất lợi trong đánh giá, thi đua đối với giáo viên và nhà trương.

Rà soát, thực hiện đúng đối tượng, đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với học sinh khuyết tật và giáo viên trực tiếp tham gia giáo dục học sinh khuyết tật; cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu học sinh khuyết tật trên cơ sở dữ liệu ngành.

Tham mưu, báo báo chính quyền địa phương thực hiện đầy đủ các chính sách đối với học sinh khuyết tật và giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh khuyết tật học hòa nhập; Giao cho đồng chí Vũ Thị Mỹ Hạnh kế toán thực hiện đầy đủ các chính sách đối học sinh và giáo viên trực tiếp dạy học sinh khuyết tật khi đầy đủ hồ sơ theo quy định. Duy trì đại diện nhà trường và CMHS thăm hỏi, động viên tặng quà cho học sinh khó khăn nhân dịp khai giảng đầu năm học mới.

III. Bảo đảm các điều kiện thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông

1. Mạng lưới trường, lớp, phân hiệu

Nhà trường tiếp tục duy trì ổn định mạng lưới trường, lớp, theo quy mô học sinh và điều kiện thực tế, bảo đảm tổ chức dạy học, giáo dục được thực hiện đầy đủ, liên tục và hiệu quả. Thường xuyên rà soát quy mô học sinh, số lớp, sĩ số học sinh/lớp, tình hình chuyên cần và điều kiện đi lại của học sinh để chủ động điều chỉnh, sắp xếp lớp học và tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp.

Rà soát, kiện toàn tổ chức chuyên môn, phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; bố trí đội ngũ phù hợp với năng lực chuyên môn, vị trí việc làm và yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông. Chủ

động xây dựng phương án sử dụng, hỗ trợ và điều phối giáo viên giữa các lớp, các điểm trường khi cần thiết; hạn chế tình trạng thiếu, thừa cục bộ, bảo đảm các môn học và hoạt động giáo dục được tổ chức đầy đủ.

Tăng cường hiệu quả quản trị nhà trường, bảo đảm sự phối hợp thống nhất giữa Ban Giám hiệu, tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, nhân viên và các bộ phận liên quan. Thực hiện phân công, phân nhiệm rõ ràng; tăng cường trao đổi thông tin giữa trường chính với các phân hiệu, điểm trường; bảo đảm các chỉ đạo về chuyên môn, hồ sơ, kiểm tra đánh giá, hoạt động giáo dục và công tác học sinh được triển khai thống nhất.

Rà soát và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, ưu tiên phòng học, phòng chức năng, thư viện, thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị phục vụ các môn học và hoạt động giáo dục. Thực hiện kiểm kê, bảo quản, sửa chữa, bổ sung và sử dụng thiết bị đúng mục đích; khuyến khích giáo viên tự làm, khai thác học liệu số và sử dụng linh hoạt các nguồn lực hiện có để nâng cao chất lượng dạy học.

Chủ động rà soát những khó khăn, bất cập phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động tại các cơ sở như thiếu giáo viên, sĩ số không ổn định, cơ sở vật chất xuống cấp, thiết bị chưa đáp ứng yêu cầu, việc đi lại của học sinh khó khăn hoặc tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn. Kịp thời đề xuất với cấp có thẩm quyền các giải pháp về tổ chức lớp học, bố trí đội ngũ, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị và các điều kiện bảo đảm an toàn.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa, tài liệu và học liệu

Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ngay từ đầu năm học; đối chiếu với quy mô học sinh, số lớp và yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông để xây dựng phương án bố trí, sử dụng phù hợp. Bảo đảm các điều kiện cần thiết về phòng học, phòng học bộ môn, phòng chức năng, thư viện, sân chơi, bãi tập, công trình vệ sinh, hệ thống nước sạch, điện, mạng Internet và các điều kiện phục vụ dạy học, giáo dục.Thực hiện kiểm tra thường xuyên và định kỳ tình trạng cơ sở vật chất, kịp thời phát hiện, sửa chữa, khắc phục các hạng mục hư hỏng, xuống cấp hoặc có nguy cơ mất an toàn; ưu tiên các hạng mục liên quan trực tiếp đến an toàn của học sinh và giáo viên như hệ thống điện, nước, phòng học, mái, trần, cửa, lan can, cầu thang, sân chơi, khu vệ sinh. Đối với những hạng mục vượt quá khả năng của nhà trường, chủ động lập danh mục, dự toán và báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Rà soát danh mục thiết bị dạy học tối thiểu và thiết bị phục vụ các môn học, hoạt động giáo dục, xác định rõ thiết bị hiện có, thiết bị thiếu, hư hỏng hoặc chưa đáp ứng yêu cầu. Xây dựng kế hoạch sửa chữa, bổ sung, thay thế theo thứ tự

ưu tiên; chú trọng thiết bị phục vụ thực hành, thí nghiệm, giáo dục STEM/STEAM, công nghệ thông tin, giáo dục nghệ thuật, thể chất và các hoạt động trải nghiệm.

Tăng cường quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị hiện có. Thực hiện kiểm kê, phân loại, cập nhật hồ sơ quản lý; phân công cụ thể trách nhiệm quản lý, bảo quản và sử dụng từng phòng học, phòng chức năng, thiết bị. Hướng dẫn giáo viên sử dụng đúng mục đích, đúng quy trình; tăng cường khai thác thiết bị dùng chung, học liệu số và đồ dùng dạy học tự làm; hạn chế tình trạng thiết bị được trang bị nhưng sử dụng không thường xuyên.

Việc mua sắm, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất và thiết bị phải xuất phát từ nhu cầu thực tế, phù hợp quy mô và điều kiện của nhà trường, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, định mức, quy trình và các quy định hiện hành; ưu tiên các hạng mục cấp thiết, sử dụng thường xuyên, phục vụ trực tiếp hoạt động dạy học và bảo đảm an toàn. Thực hiện mua sắm tiết kiệm, hiệu quả, tránh trùng lặp, dàn trải và lãng phí.

Nhà trường rà soát nhu cầu sách giáo khoa của học sinh theo từng khối lớp, chủ động tiếp nhận, cung ứng và chuẩn bị đầy đủ sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương, tài liệu hướng dẫn và các học liệu cần thiết, bảo đảm học sinh có đủ điều kiện học tập ngay từ đầu năm học.

Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách miễn phí sách giáo khoa đối với các đối tượng được hưởng theo quy định của Chính phủ, HĐND thành phố Quảng Ninh và các văn bản hướng dẫn hiện hành; bảo đảm việc cấp phát đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để học sinh thiếu sách do hoàn cảnh kinh tế.

Thực hiện tiếp nhận, cấp phát, quản lý, sử dụng và bảo quản sách giáo khoa theo đúng quy định. Đối với sách được cấp miễn phí hoặc sách dùng chung, xây dựng phương án quản lý, thu hồi, bảo quản và sử dụng lại phù hợp, góp phần tiết kiệm nguồn lực. Quan tâm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh chưa có đủ sách bằng nguồn sách thư viện, sách dùng chung và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác.

Bảo đảm đầy đủ tài liệu giáo dục địa phương và học liệu phục vụ dạy học, đặc biệt là các tài liệu liên quan đến lịch sử, văn hóa, địa lý, con người và đặc điểm kinh tế - xã hội của Quảng Ninh. Khuyến khích giáo viên khai thác, xây dựng và chia sẻ học liệu phù hợp với thực tiễn địa phương, lứa tuổi học sinh và yêu cầu cần đạt của chương trình.

Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh nhận biết sách giáo khoa giả, sách in lậu, tài liệu và học liệu không rõ nguồn gốc, không bảo đảm chất lượng; khuyến khích sử dụng sách giáo khoa, tài liệu và

học liệu từ các nguồn được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cung cấp hoặc giới thiệu.

Nhà trường tổ chức triển khai sử dụng bộ sách giáo khoa được lựa chọn, sử dụng thống nhất theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, bảo đảm việc tổ chức dạy học phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông và điều kiện thực tế của nhà trường.

Giao các tổ chuyên môn và giáo viên nghiên cứu kỹ cấu trúc, nội dung, yêu cầu cần đạt và cách thức tổ chức dạy học theo sách giáo khoa; chủ động tham gia đầy đủ các chương trình tập huấn, bồi dưỡng do Bộ GDĐT, Sở GDĐT và các đơn vị chuyên môn tổ chức. Sau tập huấn, tổ chức trao đổi trong tổ chuyên môn để thống nhất cách khai thác sách giáo khoa và tháo gỡ những khó khăn trong quá trình thực hiện.

Rà soát, điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bảo đảm phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông, bộ sách giáo khoa được sử dụng và điều kiện thực tế của học sinh; không máy móc, rập khuôn theo sách giáo khoa mà phát huy tính chủ động, sáng tạo của giáo viên trong tổ chức dạy học.

Giáo viên sử dụng sách giáo khoa là một trong những nguồn học liệu chính, đồng thời chủ động lựa chọn, bổ sung ngữ liệu, tài liệu, tranh ảnh, dữ liệu thực tế, học liệu số và các nguồn học liệu phù hợp để làm phong phú hoạt động dạy học. Việc bổ sung học liệu phải bảo đảm tính chính xác, khoa học, phù hợp lứa tuổi, không gây quá tải cho học sinh và đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông.

Khuyến khích giáo viên gắn nội dung sách giáo khoa với thực tiễn địa phương, khai thác các ví dụ, tình huống, dữ liệu và chất liệu văn hóa phù hợp của Quảng Ninh để tăng tính thực tiễn, giúp học sinh vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

Tổ chuyên môn thực hiện sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, nghiên cứu bài học và chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình sử dụng sách giáo khoa; kịp thời phát hiện những nội dung chưa phù hợp, khó triển khai hoặc cần được hướng dẫn thêm để thống nhất cách thực hiện trong nhà trường.

Ban Giám hiệu thường xuyên kiểm tra, nắm bắt tình hình sử dụng sách giáo khoa và học liệu trong các tổ chuyên môn, lớp học, kịp thời hỗ trợ giáo viên và học sinh khi phát sinh khó khăn. Những vấn đề vượt quá thẩm quyền được tổng hợp, báo cáo Sở GDĐT để được hướng dẫn, giải quyết theo quy định.

3. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và nhân sự hỗ trợ giáo dục

Nhà trường rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và nhân sự hỗ trợ giáo dục theo vị trí việc làm, môn học, số lớp, quy mô học sinh và yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; xác định cụ thể tình trạng thừa, thiếu đội ngũ để chủ động phân công, bố trí, sử dụng phù hợp.

Thực hiện phân công chuyên môn theo hướng đúng vị trí, phù hợp năng lực, phát huy sở trường và bảo đảm đầy đủ các môn học, hoạt động giáo dục.

Đối với môn Tiếng Anh chưa đủ giáo viên để dạy Tiếng Anh lớp 1, 2; nhà trường chủ động xây dựng phương án dạy thêm 22 tiết bồi dưỡng toán, tiếng Việt.

Tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giáo viên tham gia bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm; tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, dạy học tích hợp, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, giáo dục hòa nhập và nâng cao năng lực quản trị nhà trường. Phát huy vai trò của giáo viên cốt cán, tổ trưởng chuyên môn trong hỗ trợ đồng nghiệp; đổi mới sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng thiết thực, tập trung nghiên cứu bài học, chia sẻ kinh nghiệm và tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện Chương trình GDPT.

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường; giảm hồ sơ, cuộc họp và thủ tục không cần thiết, dành thời gian cho hoạt động chuyên môn và hỗ trợ sự phát triển nghề nghiệp của đội ngũ.

4. Bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Nhà trường xác định bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục là nhiệm vụ thường xuyên, gắn với công tác quản trị và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục. Thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục đúng quy định, khách quan, trung thực, phản ánh đúng thực trạng; sử dụng kết quả đánh giá để xác định điểm mạnh, hạn chế, nguyên nhân và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp với điều kiện thực tế.

Xây dựng kế hoạch cải tiến xác định rõ mục tiêu, nội dung, giải pháp, người phụ trách, thời gian, nguồn lực và kết quả cần đạt; định kỳ kiểm tra, đánh giá tiến độ và điều chỉnh khi cần thiết.

Thường xuyên rà soát các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và các nguồn lực phục vụ giáo dục; chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền và chính quyền địa phương bổ sung những điều kiện còn thiếu. Củng cố, duy trì và nâng cao các tiêu chuẩn, tiêu chí, xây dựng lộ trình phát triển phù hợp; đối với các tiêu chí chưa đạt hoặc chưa bền vững, xác định rõ nguyên nhân, giải pháp và thời gian khắc phục, bảo đảm chất lượng giáo dục được duy trì ổn định và phát triển bền vững.

IV. Đổi mới quản lí giáo dục, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và chuyển đổi số

1. **Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lí nhà nước về giáo dục phổ thông trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp**

Nhà trường chủ động tổ chức thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao; phân công rõ trách nhiệm, tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm hoạt động quản lý, dạy học và giáo dục ổn định, liên tục, không chồng chéo, gián đoạn.

Chủ động phối hợp với UBND phường và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác phổ cập giáo dục, duy trì sĩ số, phòng ngừa học sinh bỏ học, thực hiện chế độ chính sách, bảo đảm an toàn trường học, y tế học đường, bảo vệ trẻ em và quản lý dữ liệu ngành.

Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT 2018; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, thể chất, nghệ thuật, STEM/STEAM, khoa học công nghệ và chuyển đổi số.

Thực hiện quản lý, sử dụng hiệu quả đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực; bảo đảm dân chủ, công khai, kỷ cương, nền nếp và an toàn trường học. Thực hiện công tác chuyển trường, tiếp nhận học sinh chuyển đến, giải quyết học sinh chuyển đi đúng quy định; xếp lớp khách quan, công bằng; cập nhật, đối soát đầy đủ, chính xác dữ liệu học sinh. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ; kịp thời chấn chỉnh hạn chế, đồng thời chủ động báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

2. Nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường

Nhà trường tiếp tục đổi mới quản trị theo hướng chủ động, tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình; phân công rõ trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu, cán bộ quản lý, tổ chuyên môn và các bộ phận; tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch giáo dục nhà trường. Tăng cường quản trị dựa trên dữ liệu và kết quả thực hiện nhiệm vụ; thường xuyên theo dõi, phân tích kết quả học tập, rèn luyện, chuyên cần của học sinh, tình hình đội ngũ, cơ sở vật chất và các điều kiện tổ chức dạy học để kịp thời điều chỉnh kế hoạch, phân công nhiệm vụ và các biện pháp hỗ trợ học sinh. Thực hiện nghiêm quy chế chuyên môn, quy định về dạy học, kiểm tra, đánh giá; tăng cường tự kiểm tra, kiểm tra nội bộ, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý hoặc đề xuất xử lý các sai phạm theo quy định. Thực hiện đầy đủ các nội dung công khai, phát huy dân chủ và trách nhiệm giải trình; mở rộng các kênh tiếp nhận ý kiến của viên chức, người lao động, học sinh và cha mẹ học sinh, kịp thời xử lý, phản hồi các ý kiến, kiến nghị. Sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá, dữ liệu quản lý và phản hồi của các bên liên quan làm căn cứ cải tiến chất lượng; bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, kỷ cương, dân chủ, công khai và hiệu quả.

3. Chuyển đổi số, học bạ số và quản trị dữ liệu giáo dục

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá; triển khai hiệu quả học bạ số, hồ sơ điện tử, học liệu số, tuyển sinh trực tuyến và các nền tảng số dùng chung của ngành.

Tổ chức cập nhật học bạ số đầy đủ, chính xác, kịp thời cho 100% học sinh, bảo đảm kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu ngành theo quy định. Thường xuyên rà soát, cập nhật và đối soát dữ liệu về học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất, kết quả giáo dục và các dữ liệu chuyên ngành theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, an toàn và dùng chung"; tăng cường khai thác dữ liệu phục vụ quản trị, tổ chức dạy học, hỗ trợ học sinh và thực hiện chế độ, chính sách.

Phân công rõ trách nhiệm cập nhật, kiểm tra và khai thác dữ liệu; Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và an toàn của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý. Thực hiện nguyên tắc dữ liệu đã có trên hệ thống không yêu cầu cung cấp lại; giảm báo cáo trùng lặp, hồ sơ, sổ sách không cần thiết; ưu tiên sử dụng hồ sơ điện tử và dữ liệu dùng chung. Tăng cường phân quyền, bảo mật tài khoản, bảo vệ dữ liệu cá nhân và hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện đúng quy định về an toàn thông tin.

V. Bảo đảm an toàn, kỷ cương trường học và tăng cường kiểm tra, giám sát

1. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương

Nhà trường xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương, thân thiện; thực hiện nghiêm quy định về an toàn trường học, đạo đức nhà giáo, văn hóa học đường và quy tắc ứng xử.

Chủ động rà soát, nhận diện và kiểm soát các nguy cơ mất an toàn về cơ sở vật chất, thiết bị, bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, tai nạn thương tích, đuối nước, cháy nổ, an toàn thực phẩm, tệ nạn xã hội và môi trường số; xây dựng phương án phòng ngừa, xử lý và báo cáo kịp thời khi xảy ra sự cố.

Tăng cường giáo dục kỹ năng tự bảo vệ, phòng tránh tai nạn, bạo lực, xâm hại và bảo đảm an toàn trên môi trường mạng cho học sinh. Phát huy vai trò giáo viên chủ nhiệm, tổ tư vấn tâm lý và công tác xã hội trường học trong việc nắm bắt tình hình, phát hiện sớm, tư vấn và hỗ trợ học sinh có khó khăn về tâm lý, bị bạo lực, xâm hại, kỳ thị hoặc có nguy cơ mất an toàn; tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh và các lực lượng liên quan.

Đối với học sinh bán trú, thực hiện quản lý chặt chẽ việc ăn, ở, học tập, sinh hoạt, chăm sóc sức khỏe và an toàn thực phẩm. Thực hiện chính sách hỗ trợ sữa, tổ chức tiếp nhận, bảo quản, cấp phát và cho học sinh sử dụng sữa đúng quy định, khoa học, an toàn, phù hợp với thời gian học tập; phối hợp với cha mẹ học sinh theo dõi sức khỏe của học sinh.

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức, kiểm tra và bảo đảm an toàn, kỷ cương trong phạm vi quản lý; kịp thời chấn chỉnh, xử lý hoặc đề xuất xử lý các hành vi vi phạm theo quy định.

2. Quản lý dạy thêm, học thêm; các khoản thu, chi, tài trợ và huy động nguồn lực xã hội

Nhà trường thực hiện nghiêm các quy định về dạy thêm, học thêm; tập trung nâng cao chất lượng dạy học chính khóa, đổi mới phương pháp, kiểm tra đánh giá, tăng cường hỗ trợ học sinh chưa hoàn thành yêu cầu và giảm áp lực học tập.

Quán triệt cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh thực hiện đúng quy định; không ép buộc học sinh học thêm dưới bất kỳ hình thức nào.

Thực hiện quản lý các khoản thu, chi, tài trợ, huy động nguồn lực xã hội đúng quy định, đúng thẩm quyền, công khai, minh bạch, tự nguyện và đúng mục đích; không đặt chỉ tiêu, gây áp lực hoặc sử dụng danh nghĩa tự nguyện để ép buộc đóng góp.

Rà soát, công khai đầy đủ các khoản thu, chi và nguồn tài trợ; tăng cường kiểm tra nội bộ, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi lạm thu, ép buộc đóng góp, ép buộc học thêm hoặc lợi dụng hoạt động giáo dục, tài trợ, huy động nguồn lực và phối hợp, liên kết để thu các khoản trái quy định.

3. Kiểm tra, giám sát, tiếp nhận và xử lý phản ánh

Nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những nội dung tác động trực tiếp đến quyền lợi học sinh, chất lượng giáo dục và các điều kiện bảo đảm; ưu tiên các lĩnh vực có nguy cơ phát sinh vi phạm hoặc có nhiều phản ánh.

Tăng cường sử dụng dữ liệu về kết quả học tập, rèn luyện, chuyên cần, đội ngũ, tài chính, cơ sở vật chất và ý kiến phản ánh để xác định nội dung kiểm tra phù hợp với thực tiễn.

Thực hiện kiểm tra theo hướng hỗ trợ, chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn và cải tiến chất lượng; sau kiểm tra xác định rõ tồn tại, nguyên nhân, trách nhiệm, biện pháp khắc phục và thời hạn hoàn thành. Duy trì các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị; phân công rõ trách nhiệm, thời hạn xử lý và thực hiện phản hồi kết quả đối với các nội dung thuộc thẩm quyền; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề vượt thẩm quyền. Chủ động cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về nhiệm vụ năm học, thực hiện Chương trình GDPT, các chính sách đối với học sinh, giáo viên và hoạt động của nhà trường;

tăng cường đối thoại, giải thích và công khai thông tin nhằm tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

VI. CÁC CHỈ TIÊU PHẤN ĐẤU TRONG NĂM HỌC

1. Đối với học sinh

1.1. Môn học và các HĐGD

Khối	Sĩ số	Số HS tham gia đánh giá	Tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	471	471	390	82,8%	81	17,2%	0	0,0%
2	518	518	436	84,2%	82	15,8%	0	0,0%
3	472	472	377	79,9%	95	20,1%	0	0,0%
4	412	412	329	79,9%	83	20,1%	0	0,0%
5	401	401	314	78,3%	87	21,7%	0	0,0%
TT	2274	2274	1846	81,2%	428	18,8%	0	0,0%

1.2. Năng lực, phẩm chất:

Khối	Sĩ số	Số HS được đánh giá	Phẩm chất						Năng lực					
			Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	471	471	431	91,5%	40	8,5%	0	0,0%	404	85,8%	67	14,2%	0	0,0%
2	518	518	456	88,0%	62	12,0%	0	0,0%	440	84,9%	78	15,1%	0	0,0%
3	472	472	419	88,8%	53	11,2%	0	0,0%	384	81,4%	88	18,6%	0	0,0%
4	412	412	346	84,0%	66	16,0%	0	0,0%	332	80,6%	80	19,4%	0	0,0%
5	401	401	337	84,0%	64	16,0%	0	0,0%	323	80,5%	78	19,5%	0	0,0%
TT	2274	2274	1989	87,5%	285	12,5%	0	0,0%	1883	82,8%	391	17,2%	0	0,0%

1.3. Khen thưởng

Khối	Sĩ số	Số HS được khen thưởng		Khen Xuất sắc (khen toàn diện)		Khen Từng mặt, nhận thư khen	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	471	431	91,5%	374	79,4%	57	12,1%
2	518	437	84,4%	404	78,0%	33	6,4%
3	472	395	83,7%	331	70,1%	64	13,6%

4	412	335	81,3%	265	64,3%	70	17,0%
5	401	338	84,3%	275	68,6%	63	15,7%
TT	2274	1936	85,1%	1649	72,5%	287	12,6%

1.4. Danh hiệu thi đua lớp:

+ Lớp Tiên tiến Xuất sắc: 55 lớp đạt 80.1 %.

+ Lớp Tiên tiến: 13 lớp đạt 19.9%.

2. Đối với nhà trường

- Danh hiệu tập thể:

Nhà trường: Tập thể lao động xuất sắc.

Đảng bộ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Liên đội : Đơn vị xuất sắc công tác Đội và phong trào thiếu nhi.

- Danh hiệu thi đua của cá nhân:

+ Giáo viên dạy giỏi cấp trường: 30 đ/c

+ Giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở: 09 đ/c

+ Lao động tiên tiến: 117 đồng chí

+ Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố: 04 đ/c

+ Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 34 đ/c

- Khen thưởng cấp trên:

+ Đề nghị Bộ khen: 02 đ/c.

+ Đề nghị UBND thành phố tặng Bằng khen: 05 đ/c.

+ Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo tặng giấy khen: 02 đ/c

+ Đề nghị UBND phường tặng Giấy khen: 11 đ/c.

3. Một số chỉ tiêu trọng tâm về quản trị và điều kiện bảo đảm

- Duy trì 100% học sinh học 2 buổi/ngày; phấn đấu tỷ lệ hoàn thành chương trình lớp học từ 99,5% trở lên, 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học; không để học sinh bỏ học vì hoàn cảnh khó khăn.

- 100% học sinh khuyết tật học hòa nhập được xây dựng, thực hiện và điều chỉnh kế hoạch giáo dục cá nhân; được đánh giá phù hợp khả năng, bảo đảm đầy đủ chế độ, chính sách theo quy định.

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên hoàn thành nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên; mỗi tổ chuyên môn xây dựng ít nhất 01 chuyên đề gắn với đổi mới phương pháp, STEM/STEAM, chuyển đổi số hoặc ứng dụng AI an toàn, có trách nhiệm; hình thành và khai thác kho học liệu số dùng chung của tổ.

- 100% học bạ số và dữ liệu học sinh được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời; cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện chữ ký số, hồ sơ điện tử và các nền tảng quản trị theo phạm vi nhiệm vụ được giao.

- Hoàn thành rà soát 100% thiết bị phòng học thông minh, thiết bị dạy học và phòng bộ môn trong học kỳ I; xây dựng danh mục sửa chữa, bổ sung, thay thế theo thứ tự ưu tiên và nguồn lực thực tế.

- Duy trì, củng cố và nâng cao các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia; rà soát các tiêu chí, xác định rõ nhiệm vụ, người phụ trách, tiến độ và minh chứng kết quả.

VII. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Hiệu trưởng: Quản lý, chỉ đạo chung các hoạt động của nhà trường.

Trực tiếp quản lý chỉ đạo các mặt công tác: tư tưởng chính trị; Quản lý kế hoạch - tài chính, quản lý thu chi; Quản lý đội ngũ; Quản lý công tác thanh tra, kiểm tra; Cải cách hành chính; Nghiên cứu khoa học; Quản lý tổ chức dạy và học; Quản lý chỉ đạo điều hành các bộ phận, các tiểu ban trong nhà trường.

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch dạy học, giáo dục từng năm học; báo cáo đánh giá kết quả thực hiện trước hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Phụ trách công tác tổ chức cán bộ; thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó.

Phân công, quản lý, đánh giá, xếp loại; tham gia quá trình khen thưởng, thi hành kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định.

Quản lý hành chính, quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường.

Quản lý học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường; tiếp nhận, giới thiệu học sinh chuyển trường; quyết định khen thưởng, kỉ luật, ủy quyền cho Phó hiệu trưởng đánh giá, xếp loại học sinh; tổ chức kiểm tra, xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh.

Phụ trách công tác đối ngoại, chủ động phối hợp với chính quyền, các tổ chức chính trị địa phương, xã hội hóa giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và cơ sở vật chất nhà trường. Quy hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ và phát triển đội ngũ.

2. Phó Hiệu trưởng:

2.1. Đồng chí Mai Thị Mận:

- Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành công việc do hiệu trưởng phân công thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi phân công, ủy quyền và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện.
- Phụ trách chuyên môn tổ 1, 2, 3;
- Phụ trách công tác kiểm tra nội bộ;
- Phụ trách phổ cập giáo dục tiểu học

- Phụ trách trường chuẩn quốc gia tiêu chuẩn 5.

- Chủ trì sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng giáo viên, phụ trách thao giảng, hội giảng, chuyên đề các cuộc thi của giáo viên toàn trường.

- Phụ trách hoạt động ngoài giờ lên lớp cơ sở 2.

- Phụ trách cơ sở vật chất cơ sở 2.

- Phụ trách phòng cháy chữa cháy cơ sở 2.

- Thay hiệu trưởng giải quyết những công việc chung của trường khi hiệu trưởng ủy quyền. Thực hiện những công việc khác khi Lãnh đạo yêu cầu.

2.2. Phó Hiệu trưởng: Đỗ Thị Thúy:

- Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành công việc do hiệu trưởng phân công thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi phân công, ủy quyền và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện.

- Phụ trách chuyên môn tổ 4, 5;

- Phụ trách các cuộc thi của học sinh và các câu lạc bộ của học sinh cơ sở 2.

- Phụ trách công tác bồi dưỡng thường xuyên;

- Phụ trách hồ sơ giáo dục học sinh khuyết tật;

- Phụ trách trường chuẩn quốc gia tiêu chuẩn 1, 2;

- Phụ trách công tác Thi đua – Khen thưởng;

- Phụ trách Đánh giá chuẩn nghề nghiệp;

- Phụ trách Hồ sơ đánh giá viên chức;

- Phụ trách báo cáo, kế hoạch công tác chuyên môn;

- Phụ trách công tác bán trú cơ sở 2

- Phụ trách sữa học đường cơ sở 2

- Phụ trách thiết bị, thư viện cơ sở 2

- Phụ trách y tế tại cơ sở 2.

- Thay Hiệu trưởng giải quyết những công việc chung của trường khi hiệu trưởng ủy quyền. Thực hiện những công việc khác khi Lãnh đạo yêu cầu.

2.3. Phó Hiệu trưởng: Trần Thị Thu Trà:

- Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành công việc do hiệu trưởng phân công thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi phân công, ủy quyền và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện.

- Phụ trách chuyên môn Tiếng Anh; Phụ trách tổ văn phòng

- Phụ trách các cuộc thi của học sinh và các câu lạc bộ của học sinh cơ sở 1.

- Quản lý công tác học sinh, ngoại khóa, y tế, an ninh trường học chung nhà trường; Phụ trách Hoạt động ngoài giờ cơ sở 1.

- Phụ trách công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

- Quản lý công tác bán trú, sữa học đường của nhà trường và phụ trách bán trú, sữa học đường tại cơ sở 1;

- Quản lý cơ sở vật chất nhà trường, công tác phòng cháy chữa cháy; Phụ trách theo dõi cơ sở vật chất nhà trường, công tác phòng cháy chữa cháy tại cơ sở 1

- Quản lý công tác thư viện – Thiết bị nhà trường và phụ trách công tác thư viện – Thiết bị tại cơ sở 1

- Phụ trách công tác dạy thêm học thêm.

- Phụ trách trường chuẩn quốc gia tiêu chuẩn 3, 4

- Thay hiệu trưởng giải quyết những công việc chung của trường khi hiệu trưởng ủy quyền. Thực hiện những công việc khác khi Lãnh đạo yêu cầu.

3. Tổ trưởng, tổ phó tổ CM:

Tổ	Tổ trưởng	Tổ phó
1	Nguyễn Thị Hồng Hà – Tổ 1	Nguyễn Thị Trang – Tổ 1
2	Đồng Hạnh Nguyễn – Tổ 2	Nguyễn Thị Hiền – Tổ 2
3	Đào Thị Hồng Vân – Tổ 3	Đỗ Thị Mai Thoa– Tổ 3
4	Đào Thị Tuyết – Tổ 4	Vũ Thị Thùy - Tổ 4
5	Phạm Thị Kim Thoa – Tổ 5	Trần Thị Thanh Thuỷ - Tổ 5

+ Các tổ trưởng phụ trách chuyên môn và các hoạt động chung của tổ.

+ Các tổ phó tổ chuyên môn phụ trách hoạt động ngoài giờ của tổ và lên sổ báo giảng.

4. Phụ trách công tác tuyên truyền và quản lý phần mềm Smas và Web, phần mềm thư viện.

- Công tác tuyên truyền: Đ/c Trần Trang, đ/c Đỗ Ngọc phụ trách đưa bài và viết bài trên trang Web nhà trường.

- Quản lý phần mềm SMAS: đ/c Nhung, Phạm Thu Hà rà soát và kiểm tra các hoạt động cập nhật của giáo viên.

- Quản lý TEMIS: đ/c Nhung, đ/c Phạm Thu Hà

- Quản lý K12 online: đ/c Phạm Thu Hà

- Quản lý OLM: đ/c Nguyễn Thị Nhung

- Quản lý phần mềm thư viện: Đ/c Phí Thị Nguyệt.

- Quản lý phần mềm thiết bị: Đ/c Lư Thị Bích Thùy.

Phần thứ ba
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch; phân công rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ sản phẩm; định kỳ kiểm tra, đánh giá kết quả và kịp thời điều chỉnh giải pháp. Các Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn và bộ phận chức năng xây dựng kế hoạch triển khai theo nhiệm vụ được phân công; giáo viên, nhân viên xây dựng kế hoạch cá nhân và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Nhiệm vụ trọng tâm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/Kết quả
Tổ chức Chương trình GDPT, dạy học 2 buổi/ngày và nâng cao chất lượng	PHT Mai Thị Mận (khối 1-3); PHT Đỗ Thị Thúy (khối 4-5); PHT Trần Thị Thu Trà (Tiếng Anh)	Tổ chuyên môn, giáo viên	Cả năm	Kế hoạch giáo dục; báo cáo chất lượng định kỳ; giải pháp hỗ trợ học sinh
Giáo dục hòa nhập, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn	PHT Đỗ Thị Thúy	GVCN, nhân viên y tế, các tổ CM	Cả năm	Kế hoạch giáo dục cá nhân; hồ sơ hỗ trợ; báo cáo rà soát chính sách
Kiểm tra nội bộ, phổ cập giáo dục tiểu học	PHT Mai Thị Mận	Các tổ, bộ phận liên quan	Theo kế hoạch	Biên bản/ báo cáo kiểm tra; hồ sơ phổ cập; kiến nghị và kết quả khắc phục
Chuyển đổi số, AI, học bạ số, quản trị dữ liệu	PHT Trần Thị Thu Trà	Tổ CM, văn phòng, GV phụ trách phần mềm	Theo tháng/quý	Dữ liệu đúng-đủ-sạch-sống; học bạ số; học liệu số; chuyên đề AI/chuyển đổi số
Cơ sở vật chất, thư viện-thiết bị, PCCC, an toàn trường học	PHT Trần Thị Thu Trà (chung, CS1); PHT Mai Thị Mận (CS2); PHT Đỗ Thị Thúy (thiết bị,	Kế toán, thư viện-thiết bị, y tế, bảo vệ	HK I và thường xuyên	Biên bản rà soát; danh mục sửa chữa/bổ sung; hồ sơ an toàn, PCCC

Nhiệm vụ trọng tâm	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian	Sản phẩm/Kết quả
	thư viện CS2)			
Trường chuẩn quốc gia	PHT Mai Thị Mận (TC5); PHT Đỗ Thị Thúy (TC1,2); PHT Trần Thị Thu Trà (TC3,4)	Các tổ, bộ phận	Cả năm	Minh chứng trường chuẩn quốc gia; kế hoạch rà soát, duy trì và nâng cao các tiêu chuẩn
Thi đua, khen thưởng, đánh giá viên chức/chuẩn nghề nghiệp	PHT Đỗ Thị Thúy	Hội đồng TĐKT, tổ trưởng	Theo đợt/HK/cuối năm	Hồ sơ thi đua, đánh giá; kết quả công khai, đúng quy định
Tài chính, công khai, chế độ chính sách	Hiệu trưởng; Kế toán Vũ Thị Mỹ Hạnh	Văn phòng, các bộ phận	Theo quy định	Dự toán, quyết toán; hồ sơ công khai; chế độ chính sách kịp thời

1. Đối với cán bộ quản lí

- Xây dựng kế hoạch, quản lí, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các bộ phận, tổ chuyên môn và giáo viên.
- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thực hiện nhiệm vụ.
- Giải quyết những vướng mắc của đơn vị.
- Thực hiện lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ.
- Công khai tài chính, cơ sở vật chất, đội ngũ, chất lượng, các khoản thoả thuận,...theo quy định.
- Thực hiện công tác thi đua tại đơn vị theo quy định.

2. Đối với tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể

Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công như: xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, bộ phận theo tuần, tháng, năm học,... nhằm thực hiện nhiệm vụ năm học đạt hiệu quả; Tham gia đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định; Thực hiện báo cáo đúng quy định;...nhằm góp phần vào hoàn thành nhiệm vụ năm học.

3. Đối với giáo viên, nhân viên

Xây dựng kế hoạch giảng dạy, hoạt động theo nhiệm vụ được phân công, phối hợp với các bộ phận thực hiện nhiệm vụ,...Thực hiện công tác tự bồi dưỡng, tham gia đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định,...

Phần thứ tư
ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với UBND phường Hạ Long:

Tiếp tục bổ sung thiết bị, cơ sở vật chất cho nhà trường: 37 màn hình tương tác, hệ thống cửa cơ sở 2, lát lại gạch chống trơn trượt sân trường 2 cơ sở, trang bị khu rửa tay của học sinh cơ sở 1.

2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo:

Tiếp tục tổ chức lớp tập huấn giáo viên chủ nhiệm và tập huấn đổi mới phương pháp dạy học ứng dụng AI, học sinh số, giáo viên số.

3. Đối với Ban đại diện cha mẹ học sinh

Phối kết hợp với nhà trường và GVCN để thực hiện tốt chương trình giáo dục, đặc biệt các hoạt động trải nghiệm của học sinh theo chương trình GDPT 2018**.** Tiếp tục quan tâm chăm lo đến hoạt động giáo dục của nhà trường với tinh thần tự nguyện, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao và thiết thực. Chủ động tham mưu, đề xuất phương án giải quyết với nhà trường những vấn đề phát sinh trong công tác giáo dục.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2026 - 2027 của Trường Tiểu học Quang Trung. Căn cứ Kế hoạch này, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các bộ phận và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên chủ động xây dựng kế hoạch triển khai; tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả, thường xuyên kiểm tra, đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện, kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:
- UBND phường (để b/c);
- Các đoàn thể (để p/h);
- Cán bộ, GV, NV TT (để T/h);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Hoàng Yến

Bảng 1. THỰC HIỆN CHUYÊN ĐỀ

STT	MÔN	TÊN BÀI	KHỐI	CẤP T. HIỆN				THỜI GIAN	NGƯỜI DẠY MINH HOẠ
				Tổ	Trng	Phường	Cụm		
1	Khoa học	Dạy học môn Khoa học bằng tiếng Anh gắn STEM/STEAM và AI có kiểm soát	4				x	Tháng 12/2026	Lê Vũ Hương Quỳnh
2	Tin học - Công nghệ	Thiết kế học liệu số; bảo vệ dữ liệu cá nhân và bản quyền				x		Tháng 9/2026	Nguyễn Thị Nhung, Phạm Thu Hà
3	Toán	Xây dựng nhiệm vụ toán học gắn thực tiễn và giải quyết vấn đề	5		x			Tháng 11/2026	Tổ phân công
4	STEM/STEAM	Tổ chức chủ đề STEM/STEAM gắn lối sống xanh	3			x		Tháng 3/2027	Bùi Thu Phương
5	Tiếng Anh	Tiết học xuyên biên giới	3		x			Tháng 12/2026	Nguyễn Thị Nhung
6	Tiếng Anh	Tiết học xuyên biên giới							Nguyễn Mai Lan
7	Toán	Phép trừ trong phạm vi 10 (Tiết 1)	1	X				Tuần 11	Lại Thị Nguyên
8	STEM/STEAM	Bài 7: Đèn giao thông và biển giao thông	1	X				Tuần 14 (tiết 2-chiều)	Hoàng Thị Thu Quỳnh
9	Toán	Bài 19: Phép cộng(có nhớ) Số có hai chữ số với số có một chữ số	2	x				Tuần 10	Vũ Thị Phương
10	TNXH	Bài 14: Cùng tham gia giao thông	2	X				Tuần 14	Nguyễn Thị Huyền
11	AI		2					Tuần 20	Đặng Phương Thảo

Bảng 2: DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐĂNG KÍ DANH HIỆU THI ĐUA
Năm học 2026 – 2027

TT	HỌ VÀ TÊN	NHIỆM VỤ	CSTĐ		GV GIỎI	
			CS	THÀNH PHỐ	TRG	CS
1	Vũ Thị Hoàng Yến	HT	x			
2	Mai Thị Mận	PHT	X			
3	Đỗ Thị Thúy	PHT	X			
4	Trần Thị Thu Trà	PHT	X			
5	Nguyễn Thị Trang	CN lớp 1A5	X		x	
6	Hoàng Thị Thu Quỳnh	CN lớp 1A7	X		x	x
7	Lại Thị Nguyên	CN lớp 1A9	X		x	
8	Trần Thị Hường	CN lớp 2A1	X	x		x
9	Vũ Thị Phương	CN lớp 2A2	X		x	
10	Bùi Thị Dung	CN lớp 2A6	X	x		x
11	Phạm Thị Thanh Thảo	CN lớp 2A7			x	
12	Đồng Hạnh Nguyễn	CN lớp 2A8	X		X	
13	Nguyễn Thị Huyền	CN lớp 2A10	X		x	
14	Đặng Thị Thu Hương	CN lớp 2A11			x	
15	Mai Thị Hiền	CN lớp 2A12			x	
16	Hà Thị Hương	CN lớp 2A13			x	
17	Vương Thị Sen	CN lớp 2A14			X	
18	Hà Thị Hiến	CN lớp 2A15			x	
19	Bùi Thị Ánh Nguyệt	CN lớp 3A7	X		x	
20	Hoàng Bích Ngọc	CN lớp 3A8			x	
21	Đỗ Thị Mai Thoa	CN lớp 3A9	X		x	
22	Đặng Thị Hà	CN lớp 3A10	X		x	
23	Bùi Thu Phương	CN lớp 3A12	X	x		x
24	Nguyễn Thùy Linh	CN lớp 3A13	X		x	
25	Nguyễn Thị Hinh	CN lớp 3A14	X		x	
26	Đỗ Thị Phương	CN lớp 4A1			x	
27	Hoàng Thị Hồng Mai	CN lớp 4A2	X		x	x
28	Vũ Thị Thùy	CN lớp 4A3	X			
29	Lê Vũ Hương Quỳnh	CN lớp 4A5	X	X	X	X
30	Trần Ngọc Thu Sang	CN lớp 4A6	X		x	
31	Nguyễn Thị Cúc	CN lớp 4A7	X		x	
32	Đào Thị Tuyết	CN lớp 4A9	X			
33	Khiếu Minh Huyền	CN lớp 4A11			x	
34	Bùi Phương Thảo	CN lớp 4A12			x	x
35	Phí Thị Thu Trang	CN lớp 5A2	X		x	x
36	Trần Tú Oanh	CN lớp 5A4	x		x	x
37	Phạm Thị Kim Thoa	CN lớp 5A5	x		x	
38	Nguyễn Thị Lan Hương	CN lớp 5A6	x			

39	Phan Thị Hải Ninh	CN lớp 5A7	x			
40	Nguyễn Thị Hoài	CN lớp 5A9	x			
41	Vũ Thị Hương	CN lớp 5A11	x		x	
42	Đỗ Thị Bích Ngọc	Giáo viên mĩ thuật	x			
43	Nguyễn Thị Duyên	Giáo viên mĩ thuật	X			
44	Trần Thị Trang	Giáo viên âm nhạc	x		x	
Tổng			**34**	**4**	**30**	**9**

(Tổng số: 44 người)

Bảng 3

DANH SÁCH ĐĂNG KÍ ĐÁNH GIÁ CHUẨN VÀ ĐÁNH GIÁ VIÊN CHỨC

Năm học 2026 - 2027

TT	HỌ VÀ TÊN	NHIỆM VỤ	LĐTT	ĐÁNH GIÁ CHUẨN			ĐÁNH GIÁ VIÊN CHỨC		
				TỐT	KHÁ	ĐẠT	HT S. SẮC NV	HT TỐT NV	HT NV
1	Vũ Thị Hoàng Yến	HT	x	x			x		
2	Mai Thị Mận	PHT	x	x			x		
3	Đỗ Thị Thúy	PHT	x	x				x	
4	Trần Thị Thu Trà	PHT	x	x				x	
5	Phạm Thị Tô	CN lớp 1A1	x	x				x	
6	Ngô Thúy An	CN lớp 1A2	x	x				x	
7	Phạm Thị Thúy Oanh	CN lớp 1A3	x	x				x	
8	Nguyễn Thị Bích Việt	CN lớp 1A4	x	x				x	
9	Nguyễn Thị Trang	CN lớp 1A5	x	x				x	
10	Vũ Thanh Huyền	CN lớp 1A6	X	x				X	
11	Hoàng Thị Thu Quỳnh	CN lớp 1A7	x	x				x	
12	Trần Thị Hoài An	CN lớp 1A8	x		x			x	
13	Lại Thị Nguyên	CN lớp 1A9	x	x			x		
14	Đỗ Thị Thu Hoài	CN lớp 1A10	x	X				x	
15	Mai Thị Thu	CN lớp 1A11	x	X				x	
16	Nguyễn Thu Hà	CN lớp 1A12	x	X				x	
17	Nguyễn Thị Hồng Hà	CN lớp 1A13	x	X				x	
18	Vũ Thị Thúy Hồng	CN lớp 1A14	x	X				x	
19	Lê Thanh Mai	CN lớp 1A15	X	X				X	
20	Trần Thị Hường	CN lớp 2A1	x	X			X		
21	Vũ Thị Phương	CN lớp 2A2	x	X			X		
22	Nguyễn Thị Hiền	CN lớp 2A3	x	X				x	
23	Nguyễn Thị Bích Hường	CN lớp 2A4	x	X				x	
24	Trần Nguyên Thị Mỹ Hạnh	CN lớp 2A5	x	X				x	
25	Bùi Thị Dung	CN lớp 2A6	x	X			X		
26	Phạm Thị Thanh Thảo	CN lớp 2A7	x	X				x	
27	Đồng Hạnh Nguyễn	CN lớp 2A8	X	X			X		
28	Bùi Thị Thu Dung	CN lớp 2A9	x	X				x	
29	Nguyễn Thị Huyền	CN lớp 2A10	x	X				x	
30	Đặng Thị Thu Hương	CN lớp 2A11	x	X				x	
31	Mai Thị Hiền	CN lớp 2A12	x	x				x	
32	Hà Thị Hương	CN lớp 2A13	x	X				x	
33	Vương Thị Sen	CN lớp 2A14	x	X				x	
34	Hà Thị Hiến	CN lớp 2A15	x	X				x	
35	Đỗ Tùng Bình	CN lớp 3A1	x		x			x	
36	Nguyễn Thị Tú Oanh	CN lớp 3A2	x	X				x	

37	Lê Thị Thu Hiền	CN lớp 3A3	x	X				x	
38	Vũ Thị Hòa	CN lớp 3A4	x		X			x	
39	Đào Thị Hồng Vân	CN lớp 3A5	x	x			x		
40	Bùi Thị Nguyệt	CN lớp 3A6	x		X			x	
41	Bùi Thị Ánh Nguyệt	CN lớp 3A7	x	x				x	
42	Hoàng Bích Ngọc	CN lớp 3A8	x	x				x	
43	Đỗ Thị Mai Thoa	CN lớp 3A9	x	x				x	
44	Đặng Thị Hà	CN lớp 3A10	x	x				x	
45	Trần Thị Mai	CN lớp 3A11	x	x				x	
46	Bùi Thu Phương	CN lớp 3A12	x	x			X		
47	Nguyễn Thùy Linh	CN lớp 3A13	x	x				x	
48	Nguyễn Thị Hinh	CN lớp 3A14	x	x				x	
49	Đỗ Thị Phương	CN lớp 4A1	x	x				x	
50	Hoàng Thị Hồng Mai	CN lớp 4A2	x	x				x	
51	Vũ Thị Thùy	CN lớp 4A3	x	x			X		
52	Đỗ Thị Hằng	CN lớp 4A4	x		X			x	
53	Lê Vũ Hương Quỳnh	CN lớp 4A5	X	X			X		
54	Trần Ngọc Thu Sang	CN lớp 4A6	x	x				x	
55	Nguyễn Thị Cúc	CN lớp 4A7	x	x			X		
56	Phạm Thị Hằng	CN lớp 4A8	x		X			x	
57	Đào Thị Tuyết	CN lớp 4A9	x		X			x	
58	Phạm Thị Hồng Minh	CN lớp 4A10	x	x				x	
59	Khiếu Minh Huyền	CN lớp 4A11	x		X			x	
60	Bùi Phương Thảo	CN lớp 4A12	x		X			x	
61	Lê Văn Quân	CN lớp 5A1	x		X			x	
62	Phí Thị Thu Trang	CN lớp 5A2	x	x			X		
63	Nguyễn Thị Thu Hương	CN lớp 5A3	x	x				x	
64	Trần Tú Oanh	CN lớp 5A4	x	X				x	
65	Phạm Thị Kim Thoa	CN lớp 5A5	x	X			X		
66	Nguyễn Thị Lan Hương	CN lớp 5A6	x	X				x	
67	Phan Thị Hải Ninh	CN lớp 5A7	x	X				x	
68	Nguyễn Thu Huyền	CN lớp 5A8	x	X				x	
69	Nguyễn Thị Hoài	CN lớp 5A9	x	X			X		
70	Nguyễn Thị Lưu	CN lớp 5A10	x	X				x	
71	Vũ Thị Hương	CN lớp 5A11	x	X			X		
72	Trần Thị Thanh Thủy	CN lớp 5A12	x	X				x	
73	Dương Thị Vân	GV mĩ thuật	X		x				
74	Đỗ Thị Thanh	GV mĩ thuật	x		X			x	
75	Đỗ Thị Bích Ngọc	GV mĩ thuật	x	X			X		
76	Định Thanh Bình	GV mĩ thuật			x				
77	Nguyễn Thị Duyên	GV mĩ thuật	X	X			X		
78	Nguyễn Mai Hiên	GV mĩ thuật	x	x			X	X	
79	Phạm Thanh Huyền	GV âm nhạc	x	x				X	
80	Nguyễn Hồng Hạnh	GV âm nhạc	x	x				x	
81	Trần Thị Trang	GV âm nhạc	x	x			X		
82	Lê Thị Thanh Thùy	GV âm nhạc	x	x			X		

83	Nguyễn Thị Lương	GV âm nhạc	x	x			X		
84	Trần Thanh Tâm	GV TA	x	x				x	
85	Nguyễn Thị Nhung	GV TA	x	x				x	
86	Đào Cẩm Hạnh	GV TA	x					x	
87	Dương Thị Bích Ngọc	GV TA	x					x	
88	Phùng Thị Minh Hương	GV TA	x					x	
89	Nguyễn Mai Lan	GV TA	x					x	
90	Lê Thanh Nga	GV TA	x					x	
91	Phạm Thu Hà	GV Tin học			X			x	
92	Nguyễn Thị Nhung	GV Tin học	x					x	
93	Nguyễn Văn Hảo	GV GDTC			X			x	
94	Nguyễn Hoàng Nam	GV GDTC	X					X	
95	Đống Thị Thu	GV GDTC	x	x				x	
96	Phạm Thị Lê	GV TH			x			x	
97	Nguyễn Ngọc Hồng Xuân	GV TH			X			X	
98	Nguyễn Thị Oanh	GV TH			x			X	
99	Nguyễn Thị Thu Hiền	GV TH	x		X			X	
100	Nguyễn Khánh Huyền	GV TH			X			X	
101	Hoàng Thu Hằng	GV TH			x			X	
102	Trịnh Thị Huế	GV TH	x		x			X	
103	Nguyễn Thị Thúy Ngân	GV TH	x	x				X	
104	Phạm Thu Hương	GV TH	x		x			X	
105	Nguyễn Thị Hằng	GV TH	x		x			X	
106	Nguyễn Lan Hương	GV TH	x		x			X	
107	Nguyễn Ngọc Hà	GV TH	x		x			X	
108	Đặng Phương Thảo	GV TH	x		x			X	
109	Hoàng Thị Lan	GV TH	x		X			X	
110	Dương Thị Quỳnh Anh	GV TH	x		x			x	
111	Vũ Thị Dịu	Nhân viên	X					X	
112	Vũ Thị Mỹ Hạnh	Nhân viên	X					X	
113	Nguyễn Thị Én	Nhân viên	X				x		
114	Vũ Thị Thu Trang	Nhân viên	X					X	
1115	Lư Thị Bích Thùy	Nhân viên	X					X	
117	Phí Thị Nguyệt	Nhân viên	x					X	
118	Mai Nguyễn Huyền Anh	GV TH						X	
119	Đỗ Minh Thư	GV TH						X	
Tổng			**117**	**83**	**28**		**23**	**96**	

(Tổng số: 119 người)

Bảng 5: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CỤ THỂ TỪNG THÁNG
Năm học 2026 - 2027

Tháng	Nội dung công việc	Ghi chú
8	- Chuẩn bị CSVC cho năm học mới - Phân công nhiệm vụ năm học. - HS tựu trường, ổn định tổ chức lớp, học nội quy trường lớp. - GV bồi dưỡng chuyên môn trong hè, tập huấn chương trình thay sách phổ thông tổng thể và tập huấn sử dụng HSSS trên phần mềm; bồi dưỡng chính trị. - Bàn giao công tác chủ nhiệm, bàn giao chất lượng, sắp xếp TKB, chỉ đạo thực hiện đúng chương trình giảng dạy. Hướng dẫn thực hiện cacs hoatj ddoongf ddaauf nawm. - Hợp đồng thực phẩm bếp ăn bán trú và hợp đồng nhân viên nhà bếp, lao công, bảo vệ. - Thực hiện công tác KTNB tháng 8.	
9	- Khai giảng năm học mới. Bắt đầu học kì 1 ngày 07/9/2026. - Triển khai kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho CBQL, giáo viên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018; Tổ chức dự giờ thăm lớp và chuyên đề cấp tổ. - Phát động cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu nhiên nhi đồng, thi Tin học trẻ các cấp - Ban hành quyết định, xây dựng các kế hoạch triển khai công tác chuyển đổi số trong năm học 2026-2027 - Tổ chức cho HS kí cam kết ATGT; - Tổ chức Hội nghị CMHS đầu năm. - Các bộ phận xây dựng kế hoạch đầu năm theo quy định. - Đăng kí chuyên đề cấp tổ, cấp trường, SKKN, hoàn thành hồ sơ sổ sách chuyên môn. - Đăng kí chỉ tiêu thi đua GV-HS và chất lượng giáo dục. - Đăng ký trường học an toàn an ninh trật tự, ATPCTNTT. - Xây dựng kế hoạch ATGT - Thực hiện công tác KTNB tháng 9. - Triển khai mua BHYT cho HS lớp 1. - Tổ chức khám bệnh cho HS toàn trường - Đại hội đoàn. - Hoàn thành hồ sơ bán trú - Ngoại khoá: Tuyên truyền Tuyên truyền ATGT, phòng chống ma túy - Hoạt động trải nghiệm: Vui tết Trung thu tại lớp. - Tổng hợp báo cáo số liệu học sinh, giáo viên, phân công chuyên môn đầu năm học 2026-2027. Rà soát điều chỉnh bổ sung các thông tin, số liệu về học sinh, giáo viên trên SMAS - Tiếp tục triển khai, thực hiện công tác phổ cập giáo dục	
10	- Đối thoại học sinh. - Phát động phong trào thi đua đợt 1 chào mừng ngày NGVN 20/11 - Tổ chức chuyên đề cấp trường, cấp tổ. - Thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ tháng 10. - Thao giảng, hội giảng chào mừng ngày 20-11 - Tổ chức ngày hội đọc sách hưởng ứng Tuần lễ học tập suốt đời. - Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên.	

	- Đại hội Liên đội; - Kiểm tra công nhận Phổ cập Giáo dục - Tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học 2026-2027 - Họp CMHS đầu năm.	
11	- Đối thoại học sinh. - Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11: Tiếp tục thao giảng, hội giảng; Giao lưu văn nghệ. - Tổ chức ôn tập và kiểm tra giữa học kì I - khối 4,5. - Thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ tháng 11. - Tổ chức chuyên đề cấp trường. - Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên - Triển khai các hoạt động hưởng ứng "Ngày thế giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông" năm 2026; Ngày pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2026.	
12	- Ôn tập và kiểm tra học kì I - Đối thoại học sinh. - Tổ chức chuyên đề. - Thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ tháng 12. - Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên. - Hoạt động trải nghiệm: Tự hào truyền thống - Tham gia cuộc thi viết thư Quốc tế UPU lần thứ 56 của Việt Nam	
1,2	- Đối thoại học sinh. - Kiểm tra cuối học kì I, kết thúc học kỳ I (08/01/2027). Thực hiện chương trình học kỳ II (từ 11/01/2027). - Xét khen thưởng HS, GV học kì I. - Báo cáo sơ kết HKI và tổ chức sơ kết học kì I (GV-HS) - Thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ tháng 1. - Hoạt động trải nghiệm: Mừng Đảng, mừng xuân - Rà soát minh chứng trường chuẩn quốc gia học kỳ I. - Họp CMHS toàn trường lần 2 - Điều tra phổ cập lần 2. - Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục. - Thống kê, cập nhật kết quả học kỳ 2 và năm học vào phần mềm quản lý trường học (SMIS). - Đảm bảo trật tự an toàn giao thông trước trong và sau Tết nguyên đán năm 2027 - Nghỉ tết Nguyên đán: theo quy định của bộ luật lao động - Tổ chức Tết trồng cây "Đời đời nhớ ơn Bác Hồ" nhân dịp xuân Đinh Mùi năm 2027.	
3	- Phát động phong trào thi đua đợt 2: tổ chức các hoạt động chào mừng ngày 8/3. - Đối thoại học sinh. - Nộp Sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu, giải pháp công tác. - Thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ tháng 3. - Tổ chức chuyên đề cấp tổ. - Ôn tập và kiểm tra GKII (Khối 4,5) - Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên. - Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày Thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. - Hoạt động trải nghiệm: Tham gia hoạt động cộng đồng	

4	- Đối thoại học sinh. - Hoạt động trải nghiệm: Ngày hội sách và văn hóa đọc - Thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ tháng 4. - Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên. - Rà soát số liệu Phổ cập giáo dục đối với các trẻ sinh năm 2021 (điều tra Phổ cập lần 2), lập Kế hoạch phát triển năm học 2027-2028.	
5	- Đối thoại học sinh. - Kiểm tra cuối học kỳ II ; Báo cáo Tổng kết năm học; Báo cáo trên hệ thống SMIS ; Xét HTCTTH - Tổng hợp và đánh giá nhận xét KTĐK cuối HK 2, lập danh sách đề nghị khen thưởng, hoàn thành học bạ. Báo cáo kết quả giáo dục. - Thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ tháng 5. - Đánh giá, xếp loại GV theo chuẩn nghề nghiệp GVTH, chuẩn HT, PHT, đánh giá viên chức - Tổ chức kiểm tra BDTX (nội dung 3); Báo cáo kết quả BDTX cuối năm học, triển khai kế hoạch BDTX năm học 2027-2028 - Tổng kết năm học trong GV-HS. Đại hội cháu ngoan Bác Hồ. Bàn giao HS về hè; Họp CMHS toàn trường cuối năm. - Hoàn thiện hồ sơ, minh chứng duy trì các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia. - Tổ chức Ngày Hội STEM trưng bày các sản phẩm học tập thông qua trải nghiệm, Hoạt động nghiên cứu Khoa học, thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp trường, cấp Thành phố; chào mừng Ngày Khoa học Công nghệ Việt Nam 18/5/2027.	
6	- Bàn giao học sinh HTCTTH theo phân vùng. - Báo cáo tổng kết năm học và báo cáo thi đua. - Hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh đầu cấp năm học 2027-2028 - Nộp hồ sơ đề nghị công nhận trường học đạt tiêu chuẩn an toàn PCTNTT.	
7	- Chuẩn bị cho năm học mới 2027-2028; Tuyển sinh năm học 2027-2028. - Kĩ niệm ngày Thương binh liệt sỹ 27/7 - Bồi dưỡng năng lực cho GV và CBQL thực hiện chương trình GDPPT 2018	